



SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORP.
A MEMBER OF SAIGON INVEST GROUP

14:43 2014
Tuyen

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG
SÀI GÒN**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Năm báo cáo 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302615063
- Vốn điều lệ: 740,019,140,000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 740,019,140,000 đồng
- Địa chỉ: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 3715 9909
- Số fax: (84.8) 5437 1074
- Website: www.saigontel.com
- Mã cổ phiếu: SGT

• *Quá trình hình thành và phát triển*

Thành lập ngày 14/05/2002, đến nay sau hơn 14 năm, SaigonTel luôn phấn đấu để trở thành một trong những công ty công nghệ và viễn thông hàng đầu Việt Nam.

- Năm 2002: Ngày 14/5/2002, SaigonTel được thành lập và chính thức hoạt động với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Nhờ sự hậu thuẫn từ Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn và xác định viễn thông sẽ là một trong những ngành nghề phát triển nhất trong tương lai, ngay sau khi thành lập, SaigonTel đã chính thức cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao ở KCN Tân Tạo và KCN Việt Nam – Singapore (VSIP)
- Năm 2004: Công ty thắng thầu Dự án Tích hợp hệ thống (SI) lớn đầu tiên: “Nâng cấp và mở rộng hệ thống VoIP 171” cho Công ty Điện toán Truyền Số liệu VDC (một đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, VNPT) và bắt đầu phát triển phần mềm.
- Năm 2005: Việc thực hiện thành công những dự án trên đã ít nhiều tạo được uy tín ban đầu cho SaigonTel. Trong năm 2005, Công ty chính thức được Bộ Bưu chính Viễn thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông ISP (dịch vụ truy cập Internet). Cũng trong năm này, Công ty khởi công khu ICT Kinh Bắc (Bắc Ninh) với diện tích ban đầu là 50 ha và Cao ốc Saigon ICT tại Công viên Phần mềm Quang Trung (TP.HCM) nhằm phục vụ cho nhu cầu của Công ty, các khách hàng và các đối tác.

- Năm 2006: Với mục đích đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực CNTT, năm 2006, SaigonTel liên kết với Đại học Hùng Vương thành lập Viện Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và khai giảng khóa huấn luyện nguồn nhân lực CNTT đầu tiên cho thị trường Nhật.
- Năm 2007: Tháng 1/2007, SaigonTel trở thành cổ đông sáng lập (chiếm 7% VDL) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao TP.HCM. Tháng 2/2007, SaigonTel chính thức kinh doanh Game Online trên thị trường Việt Nam với Game trực tuyến đầu tiên Shaiya. Chỉ sau một năm phát hành, Shaiya đã nhận được rất nhiều giải thưởng: Đơn vị có game mới phát hành được ưa chuộng và là Game Quốc tế Online có thiết kế đồ họa ấn tượng nhất trong năm. Ngày 19/09/2007, SaigonTel chính thức được Bộ TT &TT cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông OSP.
- Năm 2008: SaigonTel tham gia thành lập và giữ trên 50% cổ phần của các Công ty như Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel và Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina, mở ra ngành nghề kinh doanh mới khai thác kênh truyền hình quảng bá và đầu tư, quản lý, khai thác cao ốc.

Ngày 18/01/2008 đánh dấu một sự kiện khác của SaigonTel: 45 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán SGT.

- Năm 2011: Trở thành cổ đông lớn của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn SPT.
- Năm 2013: SaigonTel chính thức bước vào thị trường điện thoại di động thông minh với việc trở thành nhà phân phối độc quyền Sharp smartphone; Haier smartphone tại thị trường Việt Nam.
- Tháng 11 năm 2014, SaigonTel thành lập Công ty TNHH MTV SaigonTel chuyên phân phối các sản phẩm, thiết bị viễn thông. Trong những tháng cuối năm, MTV SaigonTel đánh dấu bằng sự kiện thắng thầu nhiều dự án lớn, cung cấp các sản phẩm, thiết bị viễn thông cho Công ty CP Viễn thông Quân đội Viettel và hệ thống Viettel Global; đóng góp hơn 40% doanh thu toàn công ty.
- Tháng 12/2014, sự ra đời của Công ty CP Phân phối và Dịch vụ SaigonTel đánh dấu sự trưởng thành của bộ phận ICT; ngoài mặt hàng kinh doanh chiến lược là điện thoại di động; công ty phân phối chính thức được Ban lãnh đạo giao nhiệm vụ kinh doanh thêm ở một số lĩnh vực tiềm năng khác như: Cho thuê mặt bằng, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chức năng,...
- Cũng trong năm 2014, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một phần cổ phiếu của Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn (SGC) cho bên thứ ba, SGC không còn là công ty thành viên của SaigonTel kể từ thời điểm trên.
- Trong năm 2015, Công ty CP Phân Phối và Dịch vụ SaigonTel trong năm đầu tiên hoạt động đã triển khai ký được hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp có thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường thế giới như: Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadez,... để thực hiện phân phối 1 số dòng sản phẩm độc quyền tại thị trường Việt

Nam.

- Ngày 28/10/2015, chính thức ra mắt website duli.vn, một platform với xuất phát điểm là trang thông tin du lịch, chuyên về giới thiệu những điểm đến thú vị trong nước (và tương lai là các nước trong khu vực Đông Nam Á) cùng những thông tin hữu ích về kinh nghiệm, cẩm nang,... cho những người đam mê du lịch. Bắt đầu từ platform này, trong tương lai gần Duli.vn hứa hẹn sẽ mở rộng thêm nhiều dịch vụ và tính năng tiện ích, giúp người dùng chủ động được hành trình khám phá của mình trong và ngoài nước
- Năm 2016 là năm đánh dấu nhiều thành tựu đáng ghi nhận của SGT như:
 - o Ngày 06/09/2016, SAIGONTEL đã tiến hành ký Biên bản ghi nhớ đánh dấu bước hợp tác đầu tiên giữa Saigontel và Tổng công ty dầu Việt Nam (Pvoil) trong việc hợp tác kinh doanh xăng dầu tại các khu công nghiệp.
 - o Ngày 10/11/2016, công ty cũng đã ký kết hợp đồng làm Đại lý cho Mobifone –tiến hành triển khai hoạt động mua bán sim số, thẻ cào tại Trung tâm dịch vụ ICTs.
 - o Song song với các hoạt động mới, công ty tiếp tục triển khai và mở rộng hoạt động thương mại thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế với những đối tác đầu ra mới: ngân hàng ACB, ngân hàng MB, MB Credit, Pvoil, Mobifone...
 - o Cũng trong năm 2016, bên cạnh những cột mốc đáng nhớ của Công ty mẹ, đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ (SDJ) cũng trở thành nhà phân phối độc quyền nhãn hàng Seagate tại Việt Nam với mảng ổ cứng cắm ngoài, linh kiện HP tại thị trường Việt Nam.

Chặng đường 15 năm phát triển với không ít cột mốc đáng nhớ, cùng với những giải thưởng tiêu biểu như: Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2008, 2009; giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng 2009; Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín 2009; giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009, 2010; Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) nhiều năm liền; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt... đã chứng tỏ nội lực và khả năng phát triển mạnh mẽ của SaigonTel để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực CNTT, viễn thông và các ngành liên quan.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sau hơn 15 năm phát triển không ngừng, SAIGONTEL luôn chứng minh là một doanh nghiệp cổ phần lớn, hoạt động đa lĩnh vực với tất cả sản phẩm, dịch vụ đều tập trung vào lĩnh vực công nghệ, viễn thông và CNTT như:

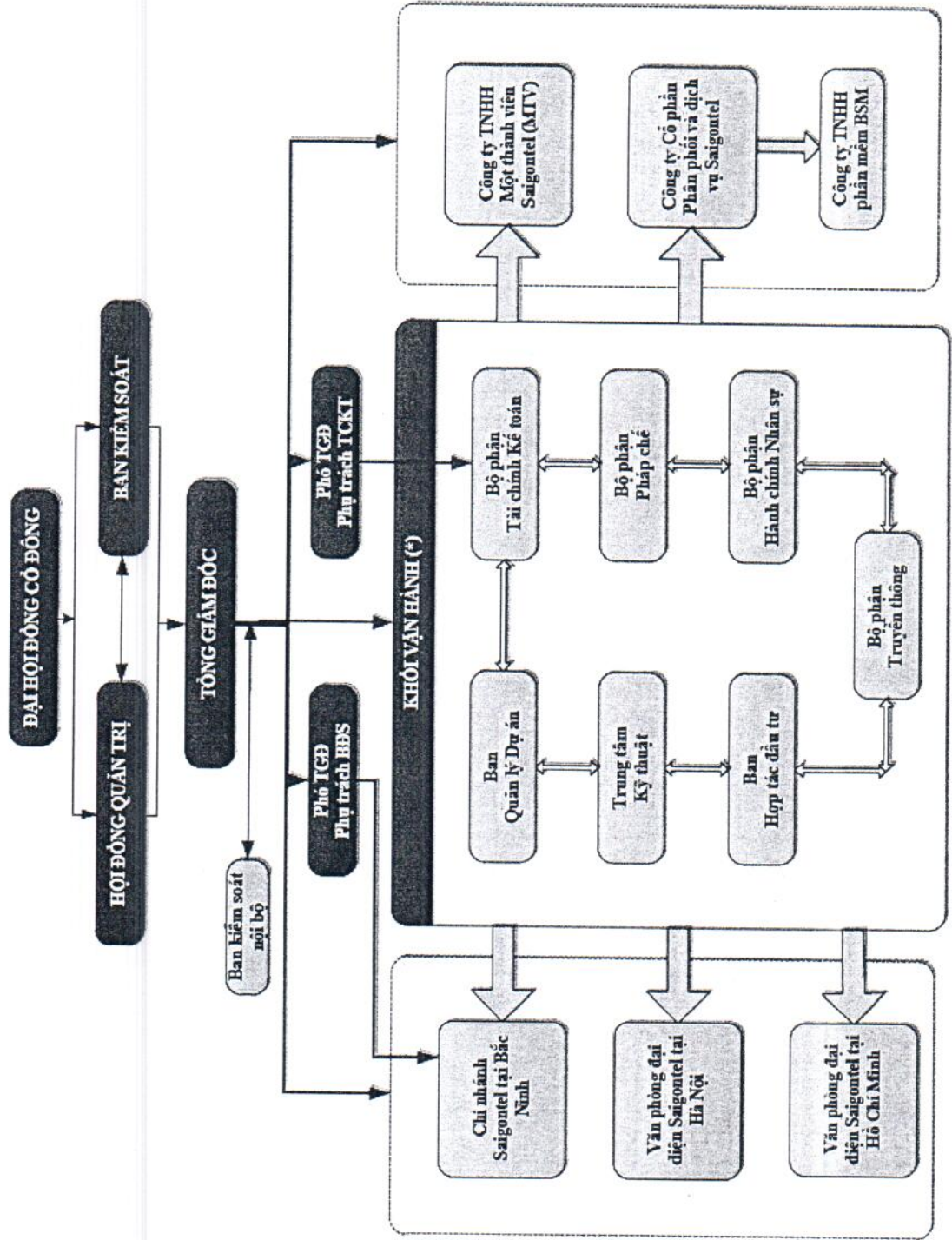
- ✦ Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng như khu Công nghệ thông tin và Truyền thông ICT, khu công nghiệp công nghệ cao, cao ốc thông minh trên toàn quốc...

- ✦ Kinh doanh bất động sản, nhà, xưởng, cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.
- ✦ Kinh doanh, phân phối sản phẩm Công nghệ thông tin, hiện SAIGONTEL là nhà nhập khẩu độc quyền các dòng thiết bị công nghệ như ổ cứng di động, thẻ nhớ, USB, camera hành trình,... từ những nhà cung cấp lớn và uy tín trên thế giới như Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadez,...
- ✦ Cung cấp các dịch vụ, thiết bị viễn thông
- ✦ Cung cấp dịch vụ ISP và các dịch vụ gia tăng.
- ✦ Kinh doanh xăng dầu và các dịch vụ liên quan.

Địa bàn kinh doanh: SAIGONTEL tập trung kinh doanh tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh và Hà Nội



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
3.1. Mô hình quản trị.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

a) Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty

b) Hội đồng quản trị:

Hàng quý trong năm, HĐQT Công ty đều tổ chức họp thường kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tổng kết những thành quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục (nếu có), từ đó đưa ra những phương hướng giải quyết, điều chỉnh một cách nhanh chóng, kịp thời. Ngoài ra, trước một sự kiện/vấn đề có tính thời sự, cấp bách, HĐQT cũng nhanh chóng triệu tập các cuộc họp bất thường nhằm kịp thời thông qua các quyết định đầu tư, quyết định góp vốn liên doanh hay thành lập các công ty trực thuộc... Chương trình nghị sự chính tại các cuộc họp cụ thể là: chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các quyết định đầu tư, các chủ trương lớn...

Với tinh thần trách nhiệm cao, tầm nhìn chiến lược đúng đắn cùng việc đưa ra các quyết định nhạy bén, đúng thời điểm, trong năm qua các thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, tuy cực kỳ bận rộn với lịch làm việc và những chuyến công tác dày đặc nhưng Chủ tịch HĐQT luôn cố gắng thu xếp thời gian làm việc với Ban Điều hành, quán triệt tầm nhìn, sứ mệnh của Công ty và trực tiếp chỉ đạo các hoạt động chiến lược. Với tầm vóc và uy tín cá nhân của mình, Chủ tịch HĐQT thường xuyên làm việc với lãnh đạo các cấp, với các đối tác trong và ngoài nước và thu hút được nhiều dự án lớn về cho Công ty.

c) Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, hoạt động điều hành Công ty. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp thường kỳ để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

d) Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản

lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

e) Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng giám đốc.

f) Các phòng ban nghiệp vụ

- Khối Bất động sản

Bộ phận này hoạt động chủ yếu tại Chi nhánh Bắc Ninh, chịu trách nhiệm kinh doanh tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn với hoạt động chính là cải tạo, xây dựng các khu nhà xưởng, văn phòng tại Khu công nghiệp. Đồng thời đối với các hạng mục đã hoàn thành sẽ tiến hành bán và cho thuê các tài sản tại Khu công nghiệp này. Hoạt động của Khối Bất động sản này chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng doanh thu của Công ty và đây cũng được xem như là một trong những hướng phát triển chủ đạo của Công ty.

- Khối Tài chính Đầu tư

Khối Tài chính đầu tư bao gồm hai bộ phận chính là bộ phận Kế toán và Đầu tư.

- Bộ phận Kế toán với nhiệm vụ và chức năng chính là tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty để định kỳ báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám Đốc, đồng thời đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty.
- Bộ phận Đầu tư với nhiệm vụ xem xét và thẩm định các dự án của Công ty để có thể tham mưu, cố vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, đồng thời cũng hỗ trợ Ban Tổng Giám Đốc trong việc đề ra các phương hướng kinh doanh cũng như kế hoạch tài chính cho Công ty một cách hợp lý nhất.

- Khối Văn phòng

Khối văn phòng bao gồm bộ phận Quản lý Toà nhà ICT Tower và các bộ phận hỗ trợ hoạt động thường ngày của Công ty như Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Pháp chế, Phòng truyền thông và Phòng Kỹ thuật. Các bộ phận này có nhiệm vụ hỗ trợ các bộ phận khác trong các hoạt động hàng ngày của Công ty, đảm bảo cho các hoạt động của Công ty được diễn ra liên tục và hiệu quả.

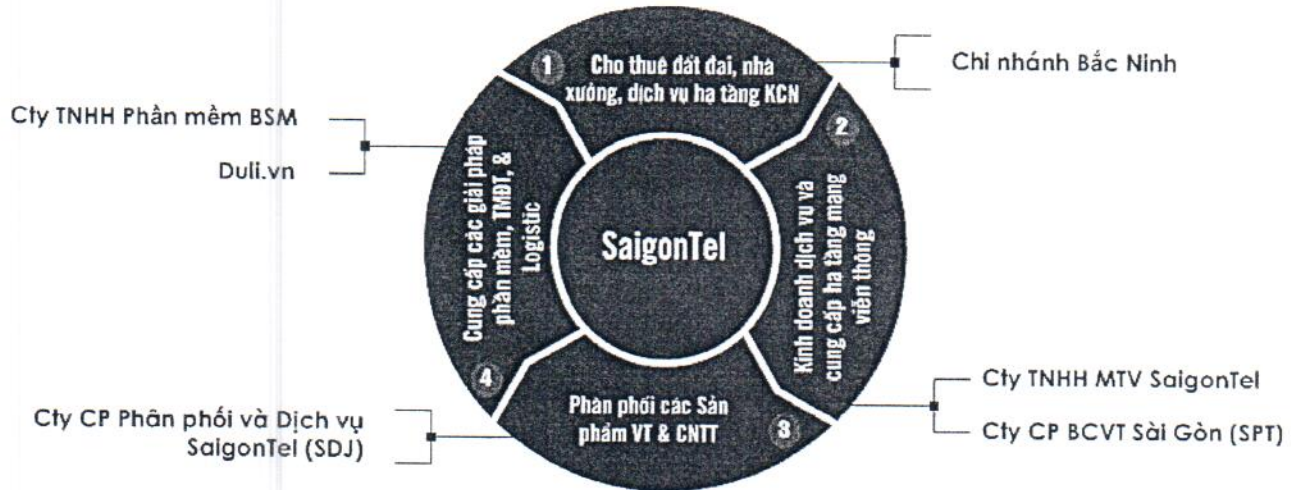
3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Lĩnh vực KD chính</i>	<i>Vốn góp của công ty</i>	<i>Chiếm tỷ lệ</i>
Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SAIGONTEL	Tầng 3A, số 12 Phạm Đình Toái, Phường 6, Quận 3, TP.HCM, Việt Nam	Công ty con	Phân phối các mặt hàng điện tử, công nghệ viễn thông.	21,000,000,000	70%
Công ty TNHH Một Thành Viên SAIGONTEL	Tầng 3, số 193 đường Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội.	Công ty con	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	20,000,000,000	100%

4. Định hướng phát triển**4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) – chủ sở hữu của 38 Khu công nghiệp (KCN) trải dài trên toàn quốc, hiện đang cung cấp các dịch vụ hạ tầng, dịch vụ viễn thông trong các Khu công nghiệp của SGT. Với vai trò là chủ sở hữu – Ban Quản lý các KCN và là nhà cung cấp dịch vụ, hơn ai hết, SGT hiểu rõ nhu cầu của các khách hàng trong các KCN, cách tiếp cận và thoả mãn nhu cầu của tập khách hàng này.

Chính vì vậy, mục tiêu chủ yếu của Công ty là tập trung vào nhóm khách hàng FDI trong KCN. Bằng việc xây dựng một Hệ sinh thái (eCo-system) đặc trưng với những ưu thế hiện có về tập khách hàng, mối quan hệ giữa BQL và các Doanh nghiệp, đội bán hàng và các đội hỗ trợ tại chỗ cũng như cơ sở hạ tầng, vật chất hiện có, SGT và các đơn vị thành viên hiện đang là đối tác hợp tác/nhà cung cấp các sản phẩm/dịch vụ viễn thông & công nghệ thông tin cho các nhà mạng/hãng sản xuất hàng đầu Việt Nam và thế giới, tập trung vào thị trường Telco, GOV, NMC, SMB,....



4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- a) Với định hướng trở thành một trong những công ty hàng đầu về viễn thông và công nghệ, SAIGONTEL xác định tập trung vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng mạng, thiết lập mạng lưới thiết bị cung cấp dịch vụ VT&CNTT. Đây là lĩnh vực mà SAIGONTEL xác định sẽ trở thành hoạt động cốt lõi của công ty, với lợi thế là các KCN trên khắp cả nước, SAIGONTEL định hướng tập trung vào thế mạnh của mình là việc quản lý và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp đang thuê đất tại các KCN làm cơ sở cho sự phát triển trung và dài hạn cho Công ty.
- b) Bên cạnh việc đầu tư vào các dịch vụ hạ tầng viễn thông, hoạt động cho thuê đất - nhà xưởng và các dịch vụ tiện ích tại KCN như hạ tầng, nước sạch, cây xanh, môi trường,.... vẫn là hoạt động chính và đem lại lợi nhuận đáng kể cho công ty. Vì vậy, SAIGONTEL vẫn tiếp tục đầu tư triển khai Giai đoạn 2 tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn với diện tích quy hoạch 96,2 ha để tạo quỹ đất cho Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo.
- c) Đồng thời, với định hướng tập trung vào các sản phẩm và dịch vụ công nghệ SAIGONTEL xác định con đường phát triển bằng việc hợp tác với các Tập đoàn công nghệ hàng đầu trên thế giới cũng như mở rộng hoạt động bằng việc ký kết các hợp đồng phân phối độc quyền các sản phẩm thiết bị công nghệ với các nhà sản xuất lớn trên thị trường.

Với những hướng đi này, cùng những thay đổi linh hoạt tùy vào từng thời điểm, Công ty hy vọng sẽ tiếp tục phát triển và nắm bắt nhanh chóng tất cả các cơ hội có được, quyết tâm đáp ứng nhanh nhất và tốt nhất các nhu cầu của các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng về các sản phẩm cũng như dịch vụ viễn thông, bất động sản – khu công nghiệp và truyền thông.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa doanh nghiệp. Trong tất cả các hoạt động của mình, Công ty đảm bảo rằng không gây ra bất cứ ảnh hưởng nào đến môi trường, xã hội và cộng đồng chung.

5. Các rủi ro

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

a) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

b) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Hiện tại, công ty đang sử dụng hình thức mua bán ngoại tệ kỳ hạn để hạn chế những rủi ro phát sinh do biến động tỷ giá.

c) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công

ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 773.539.695.776 đồng Việt Nam. Giá cổ phiếu của các Công ty niêm yết không có biến động lớn kể từ ngày 31/12/2016 đến thời điểm lập báo cáo này.

5.2. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

a) *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng phần lớn các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt. Các khoản tài sản tài chính bị suy giảm đã được Công ty lập dự phòng đầy đủ.

b) *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và			-	

nợ	163.124.939.384	404.516.063.049		567.641.002.433
Phải trả người bán	28.465.555.041	-	-	28.465.555.041
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn khác	111.621.631.814	325.022.407.845	3.286.781.928	439.930.821.578
Tổng cộng	303.212.126.239	729.538.407.845	3.286.781.928	1.036.037.379.061

5.4. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã luôn áp dụng những tiêu chuẩn quản lý nghiêm ngặt nên trừ những trường hợp bất khả kháng, các rủi ro này ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

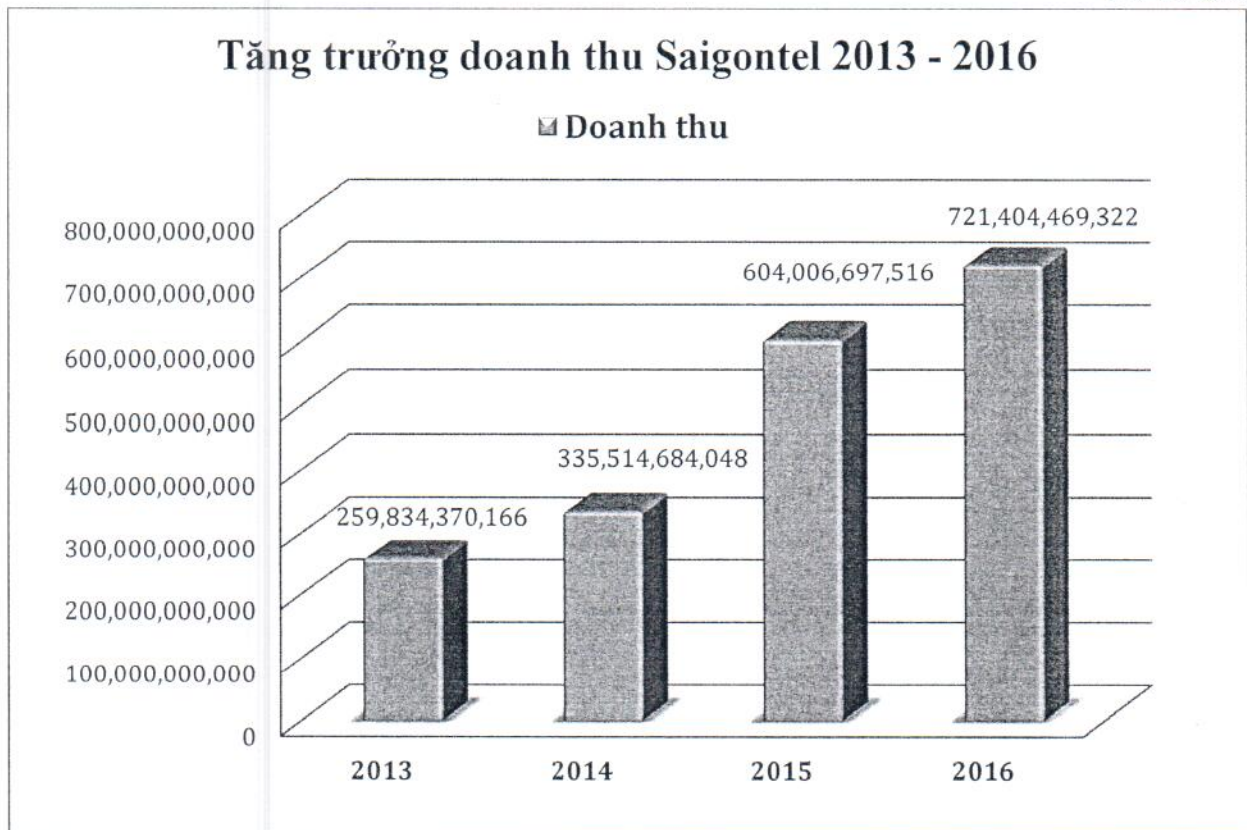
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Vào thời điểm 31/12/2016, vốn cổ đông thực góp là 740.019.140.000 đồng. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2016 đạt 1.961 tỷ đồng, bằng 90,3% so với thời điểm 01/01/2016.

Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty là 721,4 tỷ đồng, tăng trưởng lớn so với năm 2015 đạt 160,3% kế hoạch và tăng 1.19 lần so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 79,1 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch đề ra và tăng gấp 2,8 lần so với kết quả kinh doanh năm 2015.

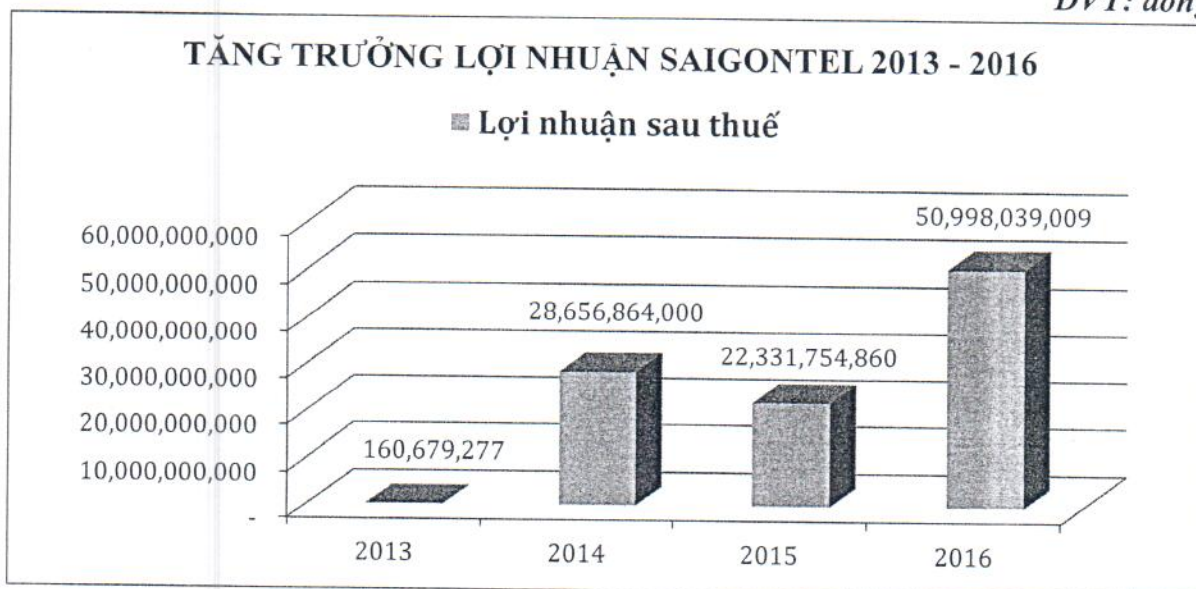
Biểu đồ 1: Doanh thu qua các năm 2013 - 2016

DVT: đồng



Biểu đồ 2: Lợi nhuận sau thuế qua các năm 2013 - 2016

ĐVT: đồng



Kiên định phương châm “Luôn luôn thay đổi, luôn luôn tiếp nhận những cái mới”, nhiều năm qua, SAIGONTEL luôn tìm tòi, phát triển những sản phẩm mới nhằm mang đến những dịch vụ viễn thông, CNTT và giá trị gia tăng tốt nhất, chất lượng nhất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng.

Bên cạnh việc duy trì những mảng kinh doanh truyền thống như thực hiện các dự án mua sắm, cho thuê đất tại các khu công nghiệp. Trong năm 2016, Công ty đã bước đầu mở rộng phạm vi kinh doanh hiện có, đặc biệt là phát triển kinh doanh hạ tầng dịch vụ và phân phối các sản phẩm linh phụ kiện công nghệ cao, cụ thể như sau:

- *Triển khai hạ tầng viễn thông*: Xác định rõ hoạt động hạ tầng viễn thông sẽ là hoạt động chính và là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm 2016, Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông tại KCN trực thuộc tập đoàn SGI như KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, KCN Quang Châu, KCN Quế Võ mở rộng.. để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại các KCN này.
- *Mở rộng hoạt động cung cấp các thiết bị viễn thông và công nghệ*: Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động trong lĩnh vực phân phối các thiết bị viễn thông, công nghệ như thẻ nhớ, ổ cứng ngoài, camera hành trình và đã bước đầu đạt được thành công khi ký được một số các HĐ độc quyền với các hãng lớn của nước ngoài như Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadez,...

- *Chuyển giao hoạt động kinh doanh về các đơn vị thành viên:* Trong năm nay, các hoạt động kinh doanh của Công ty đã được chuyển dần về các đơn vị thành viên để các đơn vị tập trung vào hoạt động kinh doanh. Văn phòng SAIGONTEL đóng vai trò quản lý, điều phối và hỗ trợ tất cả các hoạt động của những đơn vị liên quan, đảm bảo cho các hoạt động của tất cả các công ty con được thông suốt và hiệu quả nhất.

1.2. So sánh với kế hoạch

Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty là 721,4 tỷ đồng, tăng trưởng lớn so với năm 2015 đạt 160,3% kế hoạch và tăng 1.19 lần so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 79,1 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch đề ra và tăng gấp 2,8 lần so với kết quả kinh doanh năm 2015. Doanh thu và lợi nhuận năm 2016 vượt kế hoạch đã đặt năm 2015 là do:

- Bên cạnh việc duy trì những mảng kinh doanh truyền thống như thực hiện các dự án mua sắm, cho thuê đất tại các khu công nghiệp. Công ty đã bước đầu mở rộng phạm vi kinh doanh hiện có, đặc biệt là phát triển kinh doanh hạ tầng dịch vụ và phân phối các sản phẩm linh phụ kiện công nghệ cao.
- Bên cạnh những khách hàng truyền thống như Viettel và các Bộ ban ngành, công ty cũng từng bước tiếp cận, phát triển và mở rộng quan hệ với những đối tác lớn và tiềm năng mới như, MB Finance, ACB Bank, Pvoil, Mobifone...
- Trong năm 2016, công ty đã đầu tư mới, nâng cấp và cải tạo chất lượng cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ theo yêu cầu thực tế của khách hàng.
- Đồng thời, công ty cũng đã đầu tư mới, tạo điều kiện tiếp xúc và các mối quan hệ với các cơ quan chức năng, cơ quan quản lý hữu quan qua đó có được nhiều thuận lợi cho việc hoạt động kinh doanh.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội Đồng Quản Trị:

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| - Ông Đặng Thành Tâm | - Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Cẩm Phương | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Sương | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh | - Thành viên HĐQT |

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------------------|
| - Bà Nguyễn Cẩm Phương | - Tổng Giám đốc |
| - Ông Vũ Ngọc Ánh | - Phó TGD kiêm GD CN Bắc Ninh |

- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh

- Phó TGD kiêm Quyền Kế toán trưởng

Danh sách Ban Kiểm soát:

- Bà Sú Ngọc Bích

- Thành viên Ban Kiểm soát

- Bà Phan Anh Tuấn

- Thành viên Ban Kiểm soát

- Bà Lê Thị Kim Nhung

- Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách Kế toán trưởng:

- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh

- Quyền kế toán trưởng

Lý lịch trích ngang các thành viên của Hội đồng Quản trị:

✚ Ông Đặng Thành Tâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông ĐẶNG THÀNH TÂM (sinh 1964) kỹ sư Hàng Hải (đại học Hàng Hải, Hải Phòng), từng công tác tại công ty vận tải biển Sài Gòn (1988-1996). Ông học thêm hai ngành luật, quản trị kinh doanh và có bằng cử nhân luật, cử nhân quản trị kinh doanh, Bằng Diploma of Business Management của Trường Henley - Anh Quốc.

Ông là một doanh nhân Việt Nam, được xếp hạng là người giàu nhất ở Việt Nam năm 2007 và thứ ba Việt Nam năm 2008, 2009 và 2010 dựa trên giá trị cổ phiếu sở hữu. Ông là chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc của các công ty đã niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam: Công ty Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc.

Ngoài công việc kinh doanh, ông Đặng Thành Tâm còn là Đại biểu Quốc hội khóa XIII.

Lãnh đạo các doanh nghiệp đạt được nhiều thành tích nổi bật:

Cùng với Tập thể Công ty Cổ phần KCN Tân Tạo được tặng: Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2006, Huân chương Lao động hạng Ba năm 2001 cùng nhiều Cờ Thi đua và Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ; Thời gian qua, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP đã có những thành tích rất xuất sắc trong công tác và đã được ghi nhận, khen thưởng xứng đáng: Được tặng Huân chương Lao động Hạng Ba khi mới 5 năm tuổi. Đây là một danh hiệu vô cùng cao quý đối với một doanh nghiệp khi đó mới 5 tuổi; 7 năm liên tiếp (2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010) được tặng Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu của Chính phủ; Đã được tặng nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh và của các Bộ Ban ngành Trung ương và địa phương; Là doanh nghiệp đại chúng có mã chứng khoán KBC đã lọt vào danh sách Top 10 mã chứng khoán uy tín nhất Việt

Nam do Standard & Poor's (Tổ chức đánh giá tài chính hàng đầu thế giới của Hoa Kỳ) bình chọn; Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc cũng đã vinh dự nhận được rất nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá: trong đó tiêu biểu là Top 10 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho 10 thương hiệu nổi tiếng và đứng đầu mỗi ngành. KBC là đơn vị đứng đầu lĩnh vực Bất động sản của Việt Nam lọt vào TOP 10 Giải thưởng này; Giải thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu ba nước Lào – Campuchia – Việt Nam; Cúp vàng “Văn hóa doanh nghiệp”; và là 1 trong 23 doanh nghiệp toàn ASEAN được tặng giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc nhất ASEAN 2010.

Thành tích của cá nhân:

Đã được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Được công nhận Danh hiệu Chiến sĩ Thi đua Toàn quốc; Được tặng 3 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Nhân kỷ niệm lần thứ 76 ngày sinh của Nhật Hoàng và 20 năm Nhật Hoàng đăng quang, đã được ngài Mitsuo Sakaba – Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam trao tặng Bằng khen của Nhật Hoàng và Kỷ niệm chương ghi nhận sự đóng góp to lớn vào sự phát triển của mối quan hệ Nhật – Việt và trở thành doanh nhân duy nhất của Việt Nam từ trước tới nay vinh dự nhận được phần thưởng cao quý này; Được tặng nhiều Bằng khen của các Bộ, ngành, UBND các Tỉnh, Thành, các Tổ chức, Hiệp hội; Nhiều năm liền được công nhận là Chiến sĩ Thi đua cơ sở và được công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh năm 2008.

Từ năm 2003 đến nay, liên tục giữ Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu và Cúp Thánh Gióng; Được Đài Truyền hình Việt Nam chọn là Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu để mời phỏng vấn và phát sóng chương trình 30 phút trên VTV1; Được tín nhiệm bầu là Chủ tịch CLB Sao Vàng Đất Việt, Đồng Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản (Diễn đàn do Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn thành lập), Phó Chủ tịch Hội Phát triển Hợp tác Kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia, được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bổ nhiệm làm Thành viên chính thức Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (ABAC), được bổ nhiệm là thành viên Hội đồng Tư vấn cao cấp Chương trình Hành động hậu WTO của Chính phủ, và là thành viên tư vấn đối tác chiến lược trong Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF GCC Partner member advisory board).

✚ **Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thành viên Hội đồng Quản trị**

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ:

- Là Thành viên HĐQT Công ty từ năm 2014 đến nay.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1992 đến 1994 : Làm việc ở Hãng Hàng không Pacific Airlines.
- Từ năm 1994 đến 2002 : Làm việc ở Hãng Hàng không Vietnam Airlines.
- Từ năm 2002 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Du Lịch Sài Gòn.

✚ Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Cử nhân Luật, nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành tại các công ty trong nhiều lĩnh vực.

Chức vụ:

- Là Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 04/12/2012 đến nay.

✚ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Là Thành viên HĐQT Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SaigonTel.
- Là Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV SaigonTel

Quá trình công tác :

- Từ năm 2008 đến 2010 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Nhân Viên.
- Từ năm 2010 đến 2011 : Công Ty CP Chứng Khoán TP.HCM – Nhân viên tư vấn.
- Từ năm 2011 đến 2013 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp lớn.
- Từ 8/2013 đến 9/2014 : Ngân Hàng TMCP Nam Việt – Trưởng Phòng quan hệ khách hàng
- Từ 12/2014 đến nay : Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính.

✚ Bà Nguyễn Thị Swong - Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Là Thành viên HĐQT Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Mã CK: SGT
- TGD Công Ty CP Truyền Thông Sắc Màu Sài Gòn.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1989 đến 1993 : Công Ty Lega 4 – Kế toán tổng hợp.
- Từ năm 1993 đến 2001 : Công Ty Visingpack – Kế toán công nợ và ngân hàng.
- Từ năm 2001 đến 2005 : Tập đoàn đầu tư công nghiệp Tân Tạo – Kế toán ngân hàng.
- Từ năm 2006 đến 2009 : Cty CP Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo – Kế toán Trưởng
- Từ năm 2008 đến 2011 : Cty CP Đầu Tư & CN Tân Tạo – Phó TGD Tài Chính
- Từ năm 2011 đến 2012 : Công Ty CP TM & DV Châu Mỹ -Phó Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Từ năm 2013 đến nay : Công Ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn -Tổng Giám Đốc.

Lý lịch trích ngang của Ban Tổng Giám đốc:

✚ Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc
Xem phần HDQT

✚ Ông Vũ Ngọc Ánh - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
Học vấn: Kỹ sư Giao thông

Chức vụ:

- Là Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn
- Ông đồng thời cũng là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại Bắc Ninh

✚ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Quyền Kế Toán Kế Toán Trưởng
Xem phần HDQT

Lý lịch trích ngang của Ban Kiểm soát:

✚ Ông Phan Anh Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân Kinh tế, có trên 14 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kế toán, kiểm toán.

Chức vụ:

- Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2007.
- Hiện nay, Ông là Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Trường Đại học Hùng Vương.

✚ Bà Sú Ngọc Bích – Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân tài chính – kế toán.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Kế toán trưởng Công Ty CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn.
- Kế toán trưởng Công Ty CP Năng Lượng Sài Gòn – Bình Định.

Quá trình công tác:

- Từ năm 1998 đến 1999 : Làm việc tại Công ty TNHH XD GT Đức Hạnh.
- Từ năm 1999 đến 2001 : Làm việc tại Công ty TNHH QC Hoàng Long.
- Từ năm 2001 đến 2004 : Làm việc tại Công ty CP Đầu Tư Ma san.
- Từ 7/2004 : Làm việc tại CTy CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn.

✚ Bà Lê Thị Kim Nhung - Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân quản trị

Chức vụ:

- Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2015

Quá trình công tác :

- Từ năm 2001 đến 2006 : Trưởng phòng vé – Công ty TNHH Ngân Vũ
- Từ năm 2006 đến 2014 : Trưởng phòng vé – Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn.
- Từ năm 2014 đến 04/2015 : Chuyên viên HCNS – Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

2.1. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát trong năm 2015

Năm 2016, Công ty có sự thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát như sau:

a) Thay đổi thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Năm 2016, Công ty có sự thay đổi nhân sự Thành viên Ban điều hành như sau:

- Ngày 07/10/2016, Hội đồng Quản trị đã thống nhất miễn nhiệm ông Phạm Đức Tuấn đối với vị trí Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khối Công Nghệ.

b) Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là: 232 CB-NV, trong

đó:

- Số lượng CB - NV làm việc tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh là: 162 CB-NV.
- Số lượng CB - NV làm việc tại Công ty TNHH MTV SAIGONTEL là: 22 CB-NV.
- Số lượng CB - NV làm việc tại Công ty cổ phần phân phối và dịch vụ SAIGONTEL: 48 CB-NV.

c) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh, Công ty luôn xem CB - NV là tài sản quý giá của doanh nghiệp, là một trong những nhân tố giúp doanh nghiệp phát triển cũng như đạt được các mục tiêu kinh doanh. Chính vì vậy, Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như:

Phỏng vấn, đánh giá và lựa chọn nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc. Bố trí nhân sự đúng người, đúng việc.

Thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV; Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB - NV tham gia vào các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật và nội quy, quy định của Công ty trong suốt quá trình làm việc.

Luôn lắng nghe ý kiến của các nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động, các sự kiện vui chơi tập thể nhằm tạo tinh thần đoàn kết, giao lưu học hỏi giữa các CB - NV với nhau.

d) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Gắn liền với chính sách nhân sự của Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách lương, thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội.

Hàng năm, Ban Lãnh đạo Công ty đều họp xét và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình nhân sự, thành tích đóng góp của từng CB - NV để có những chính sách tăng lương, khen thưởng phù hợp và công bằng. Công ty cũng khen thưởng CB-NV nhân các ngày lễ lớn và thưởng theo năng suất công việc đạt được.

Về các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xã hội, Công ty luôn tuân thủ theo những quy định của Pháp luật trong suốt quá trình vận hành. Mức lương cơ bản làm cơ sở để thực hiện các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp Công ty áp dụng luôn cao hơn so với mức lương cơ bản mà Nhà nước quy định. Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động và trách nhiệm xã hội theo quy định của Pháp luật: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách (thuế, Bảo hiểm xã hội...).

Công ty tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB - NV. Đây là một chế độ phúc lợi đặc biệt đang được Pháp luật khuyến khích..

Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho CB-NV hàng năm.

Tổ chức tham quan - nghỉ mát hàng năm cho CB-NV và gia đình hàng năm.

Tổ chức và tặng quà sinh nhật cho CB-NV.

Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thường xuyên tổ chức thăm hỏi CB-NV gặp khó khăn, hiếu hỷ, ốm đau; tổ chức các hoạt động gắn kết tình đồng nghiệp giữa CB-NV với nhau...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Tổng giá trị đầu tư của Công ty đến thời điểm cuối năm 2016 là 773.74 tỷ đồng. Các khoản đầu tư này là các khoản duy trì từ những năm trước và chủ yếu là đầu tư dài hạn vào cổ phiếu.

3.2. Các công ty con:

a) Công ty CP Phân Phối và Dịch Vụ SaigonTel

Giấy CNĐKKD số: 0313042600 cấp ngày: 06/12/2014 tại: TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 3A, số 12 Phạm Đình Toái, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Vốn điều lệ: 30 tỷ VNĐ, trong đó vốn góp của SAIGONTEL là 21 tỷ VNĐ (tương đương 70% vốn điều lệ)

Lĩnh vực hoạt động chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

b) Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel

Giấy CNĐKKD số: 0106684254 cấp ngày: 06/11/2014 tại: TP. Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3 – số 193. Đường Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 20 tỷ VNĐ, trong đó vốn góp của SAIGONTEL chiếm 100%

Lĩnh vực hoạt động chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng-giảm
Tổng giá trị tài sản	2.171.076.721.782	1.960.864.789.193	-9,68%

Doanh thu thuần	539.807.721.247	710.462.636.048	131,63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.803.575.106	77.236.497.542	277,79%
Lợi nhuận khác	472.480.091	1.883.039.242	398,54%
Lợi nhuận trước thuế	28,276,055,197	79.119.536.784	279,81%
Lợi nhuận sau thuế	22.331.754.860	50.998.039.009	228,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2.6569	1.389	
- Hệ số thanh toán nhanh:	2.1896	1.051	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,7884	0,7313	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,7249	2,8328	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,9957	1,9075	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,2486	0,3623	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0414	0,0718	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã phát hành và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh 74.001.914 cổ phiếu, trong đó:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Thành Tâm	022756956	6/35D, Bình Khánh 3, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	17,530,370	23.69%
2	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP	2300233993	Lô B7, Khu Công Nghiệp Quế Võ, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	15,896,923	21.48%
3	Nguyễn Thị Kim Xuân	IS8955	69, Bà Huyện Thanh Quan, Hà Nội	7,452,178	10.07%
4	Phạm Thị Lê	025225563	371/17 Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	3,723,654	5.03%

Bảng: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ đông lớn trở lên

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	50,692,125	68.50%	5	1	4
	- Trong nước	43,239,947	58.43%	4	1	3
	- Nước ngoài	7,452,178	10.07%	1		1
4	Công đoàn Công ty					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	310	0.00%	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	23,309,479	31.50%	1,609	58	1,520
	- Trong nước	21,132,040	28.56%	1,450	44	1,406
	- Nước ngoài	2,177,439	2.94%	159	14	145
TỔNG CỘNG		74,001,914	100.00%	1,615	60	1,524
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>64,372,297</i>	<i>86.99%</i>	<i>1,455</i>	<i>46</i>	<i>1,409</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>9,629,617</i>	<i>13.01%</i>	<i>160</i>	<i>14</i>	<i>146</i>

Bảng: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm ngày 18/03/2016

5.3. Tình hình thay đổi vốn cổ đông tại thời điểm

Trong năm 2016, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu, không tiến hành tăng vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện tại Công ty có tổng cộng 310 cổ phiếu quỹ, toàn bộ số cổ phiếu này là cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phát hành thêm cổ phiếu, được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ. Trong năm 2016, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác

Không có.

6. Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Công ty không tiến hành hoạt động sản xuất nên không có vấn đề về nguyên vật liệu

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Việc sử dụng năng lượng của Công ty chỉ phục vụ cho hoạt động thường ngày tại các văn phòng và chỉ sử dụng năng lượng trong giờ làm việc, đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm.

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty chỉ sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt bình thường và hiện chưa áp dụng các phương pháp tái chế, tái sử dụng nước.

6.4. Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường:

Trong năm Công ty không bị xử lý vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số người lao động tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 232 người. Mức lương trung bình đối với người lao động là 10,318,000 đồng.

Công ty luôn đảm bảo duy trì thời gian làm việc theo đúng các quy định của pháp luật, đồng thời môi trường làm việc được trồng nhiều cây xanh cũng như các khoảng không nhằm tạo điều kiện thoải mái cho người lao động.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV; Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB - NV tham gia vào các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm, Công ty có tham gia các hoạt động quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt, hỗ trợ người nghèo, xây dựng biển đảo theo các phong trào do Nhà nước và các tổ chức tình nguyện phát động.

Xây cầu tình thương, huy động cán bộ công nhân viên đóng góp, tham gia từ thiện cho những hoàn cảnh khó khăn.

Ngoài ra, công ty cũng đã tổ chức những chương trình Đồng hành cùng công nhân phối hợp với các đối tác của Công ty cũng như những nhãn hàng tài trợ để đem đến những món quà có ý nghĩa cũng như tạo một môi trường tích cực cho người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Trong năm 2016, Công ty chưa phát sinh hoạt động này.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Văn phòng Công ty

- Tổng doanh thu : 113,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : (60,3) tỷ đồng

Trong năm 2016, Công ty đã nâng công suất sử dụng mặt bằng toà nhà ICT1 Tower tại Công viên Phần mềm Quang Trung (TP.HCM) đạt 100%. Đồng thời Kết Quả Thẩm Định Thiết Kế Xây Dựng dự án Toà Nhà Văn Phòng ICT2 của SAIGONTEL đã được phê duyệt. Bên cạnh đó, để duy trì hoạt động một cách hiệu quả, cũng như khắc phục và hạn chế tình trạng xuống cấp của toà nhà. Công ty đã tiến hành đầu tư cải tạo và sửa chữa cơ sở hạ tầng xây dựng, nâng cấp đầu tư thiết bị bãi xe thông minh, duy trì áp dụng hệ thống PCCC chuyên dụng, hoàn thành nhiệm vụ diễn tập huấn PCCC chuyên nghiệp, đầu tư mới hệ thống máy lạnh Cassette cho toàn bộ diện tích cho thuê, cải tạo khu vực Lobby. Đồng thời, Ban quản lý toà nhà ICT đã bước đầu xây dựng cơ sở vật chất để chuẩn bị triển khai cho hoạt động của Trung tâm dịch vụ ICTs (với những dịch vụ chủ yếu như: dịch vụ sim số, cung cấp thiết bị IT, dịch vụ sửa chữa bảo trì, kinh doanh căng tin ăn uống).

Việc kinh doanh hạ tầng viễn thông được coi là một trong những mảng kinh doanh còn khá mới mẻ của công ty. Trong năm 2016, hoạt động này cũng đã được Saigontel tiến hành triển khai với bước đầu là tiếp cận khách hàng là doanh nghiệp tại các khu công nghiệp.

Trong năm nay, các hoạt động kinh doanh của công ty đã được chuyển dần về các đơn vị thành viên. Trong khi đó, Saigontel đóng vai trò quản lý, điều phối và hỗ trợ tất cả các hoạt động của những đơn vị liên quan. Đội back office chịu trách nhiệm đảm bảo cho các hoạt động của tất cả các công ty con, khiến cho chi phí hoạt động tập trung về trụ sở chính và đẩy chi phí tăng cao. Tuy nhiên, sau khi chuyển các hoạt động kinh doanh về Chi nhánh và

các Đơn vị thành viên, các đơn vị này đã đạt được những thành quả đáng kể trong năm vừa qua và giúp cho tổng doanh thu và lợi nhuận của SAIGONTEL có sự tăng trưởng vượt bậc.

1.2. Chi nhánh Bắc Ninh

- Tổng doanh thu : 362,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 156,1 tỷ đồng

Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh của Chi nhánh có sự tăng trưởng vượt bậc, tập trung cho hai hoạt động chủ yếu là thuê đất dài hạn và cho thuê nhà xưởng - văn phòng, hai hoạt động này chiếm 97,5% tổng doanh thu của Chi nhánh. Riêng Doanh thu cho thuê đất dài hạn là 319 tỷ đồng vượt 4.14 lần so với kế hoạch đầu năm.

Trong năm qua, lượng khách hàng quan tâm tiếp cận cũng như số khách hàng ký thoả thuận nguyên tắc và mua lại đất tại chi nhánh tăng đáng kể. Tuy hoạt động cho thuê đất dài hạn có tỉ suất lợi nhuận cao dựa trên lợi thế giá vốn thấp nhưng quỹ đất của khu công nghiệp đang ngày càng thu hẹp, tới cuối năm 2016, gần như toàn bộ các lô đất kinh doanh đã được khách hàng từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc mua hoặc đặt mua hết, tỷ lệ đất được mua và cho thuê lên tới 90% quỹ đất thuộc chi nhánh quản lý.

Do đó, trong thời gian chưa mở rộng thêm được quỹ đất, Chi nhánh tiếp tục tập trung khai thác theo hướng xây nhà xưởng văn phòng để cho thuê nhằm tạo dòng tiền hoạt động ổn định trong dài hạn và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Trong năm 2016 doanh thu cho thuê nhà xưởng đạt: 34,9 tỷ đồng đạt 65.95% so với kế hoạch đặt ra. Việc chưa hoàn thành mục tiêu này chủ yếu do số lượng và quy mô nhà Xưởng xây sẵn chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhóm khách hàng lớn. Đồng thời, do nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất, không ít khách hàng đã chuyển từ phương án thuê nhà xưởng xây sẵn sang mua đất để mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những mảng kinh doanh chính, hoạt động thu phí cơ sở hạ tầng và kinh doanh nước sạch cũng vượt chỉ tiêu kế hoạch, tăng 13% và đạt khoảng 2,5% tổng doanh thu.

Đồng thời, trong năm 2016 việc thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, mở rộng quan hệ với các đối tác đã được chi nhánh thực hiện rất tốt. Việc này góp phần không nhỏ giúp chi nhánh gặt hái kết quả kinh doanh xuất sắc với những con số ấn tượng, đồng thời đánh dấu một năm kinh doanh thành công trên nhiều mặt. Đồng thời, trong năm 2016 việc thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, mở rộng quan hệ với các đối tác đã được chi nhánh thực hiện rất tốt. Việc này góp phần không nhỏ giúp chi nhánh gặt hái kết quả kinh doanh xuất sắc với những con số ấn tượng, đồng thời đánh dấu một năm kinh doanh thành công trên nhiều mặt.

1.3. Công ty TNHH Một thành viên Saigontel

- Tổng vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
- Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng Tài sản của Công ty TNHH Một Thành Viên Saigontel đạt 77,87 tỷ đồng, gấp gần 4 lần vốn đầu tư ban đầu. Doanh thu Công ty TNHH MTV Saigontel năm 2016 đạt 158,76 tỷ đồng, đạt 41.74% so với kế hoạch đầu năm đề ra. Lợi nhuận gộp đạt 7,02% trên tổng doanh thu và tổng lợi nhuận trước thuế đạt 693 triệu đồng.
- Nguyên nhân trong năm 2016 Công ty TNHH Một thành viên Saigontel chưa đạt được kế hoạch đặt ra là vì:
 - o Giá vốn thực tế cao hơn so với kế hoạch: Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận thực tế thấp hơn kế hoạch. Theo kế hoạch giá vốn chỉ bằng 90% doanh thu nhưng thực tế do hơn 80% khối lượng hàng bán là nhập khẩu nên việc tỷ giá USD tăng mạnh trong năm qua, đồng thời việc biến động tỷ giá nguyên vật liệu đầu vào đã góp phần đẩy giá vốn tăng cao. Thực tế chi phí giá vốn đã chiếm 92% so với doanh thu.
 - o Do dự kiến dòng tiền các đối tác đầu ra sẽ về để thanh toán cho các khoản đầu vào được trả chậm nhưng thực tế nguồn tiền thường bị chậm hơn dự kiến 1-1.5 tháng dẫn đến phát sinh các chi phí lãi vay cao.
 - o Để có thể tiếp cận các khách hàng mới cũng như chuẩn bị các hoạt động lớn năm 2017, chi phí tiếp khách, xây dựng mối quan hệ với các nơi trong năm 2016 cũng khá cao. Năm nay cũng là thời kỳ mà bộ nhân sự cấp cao trong tập khách hàng chiến lược của MTV như Viettel, Mobifone, các bộ ban ngành có sự chuyển giao; do đó đã giảm mạnh phần đầu tư so với kế hoạch và đa phần dự kiến chuyển sang đầu tư vào năm 2017.
 - o Các sản phẩm chủ chốt tham gia thầu của MTV còn khó cạnh tranh về giá và chủng loại. Bộ máy nhân sự theo dõi và giám sát còn thiếu người, chưa tập trung, dẫn đến những thời điểm bị quá tải do kiêm nhiệm nhiều công việc.
 - o Để định hướng kinh doanh lâu dài, đồng thời từng bước khắc phục khó khăn trước mắt, công ty đã bắt đầu mở rộng hoạt động ra các lĩnh vực khác. Năm 2016 cũng là năm đặt nền móng cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh của MTV từ lĩnh vực phân phối các sản phẩm viễn thông như dây cáp ống lồng, cáp đồng trục, dây nhảy và các thiết bị viễn thông cho Viettel và các công ty tại nước ngoài trực thuộc Viettel. Đây có thể xem là hoạt động vừa giúp Công ty xây dựng thương hiệu trên thị trường và mang lại doanh thu cho công ty. Đồng thời tìm kiếm và tiếp cận những đối tác mới để giảm thiểu rủi ro.

Tuy còn nhiều khó khăn, áp lực, trong năm Công ty vẫn có những kết quả đáng ghi nhận như sau:

- Đã ký hợp đồng với những đối tác đầu ra mới: ngân hàng ACB, ngân hàng MB, MB finance, Pvoil, Mobifone...
- Trở thành đối tác chiến lược của Oracle, đối tác lớn của LS cable, NWC, Tente, Optoray, Polycom, Cisco, Fotinet...

- Thi công hạ tầng truyền dẫn cho MBF
- Triển khai hoạt động của trung tâm dịch vụ với bước đầu là hoạt động mua bán xăng dầu với Pvoil.

Sau 2 năm hoạt động, đây thực sự là những kết quả đáng ghi nhận và tạo động lực cho công ty tiếp tục phát huy thành quả và hướng tới đạt những mục tiêu cao hơn ở những năm tiếp theo.

1.4. Công ty cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel

- Tổng vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
Được thành lập ngày 06/12/2015, sau gần hai năm hoạt động, tổng doanh thu thực hiện đạt 138,03 tỷ đồng tương đương 138.03% so với kế hoạch đầu năm và lợi nhuận trước thuế thực đạt 3.33 tỷ đồng.

Do nhu cầu của thị trường, doanh thu công ty tăng cao vào các tháng cuối năm. Các mảng doanh thu chính bao gồm: kinh doanh sim số, thẻ cào điện thoại, phân phối linh phụ kiện điện thoại, máy tính, camera hành trình, các phụ kiện cho xe ô tô, phân phối cáp đồng trục, cáp quang các loại ...

Bên cạnh các hoạt động mang lại doanh thu thường xuyên, SDJ còn triển khai các dự án nhằm mang lại doanh thu là lợi nhuận bền vững về dài hạn cho SDJ, đồng thời nâng tầm thương hiệu của SDJ ra thị trường thế giới. Trong năm 2016, SDJ đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận sau:

- Bên cạnh các hoạt động mang lại doanh thu thường xuyên, SDJ còn triển khai các dự án nhằm mang lại doanh thu là lợi nhuận bền vững về dài hạn cho SDJ, đồng thời nâng tầm thương hiệu. Xây dựng được đội ngũ nhân sự năng động, chuyên nghiệp, có chuyên môn và kinh nghiệm trung bình trên 4 năm trong các lĩnh vực kinh doanh và tài chính.
- Đã ký được các hợp đồng phân phối với các hãng như: Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, zadez, Wentronics... và từng bước tiến tới việc đàm phán là nhà phân phối phụ kiện công nghệ cao độc quyền của các hãng.
- Ngoài ra SDJ còn triển khai các dự án nhằm mang l các đơn vị chiếm thị phần lớn như: Nguyễn Kim, Thế Giới Di Động, Mediamart, Viettel Store, Mobiphone, Trần Anh, Pico, Vinpro, Lazada, Halo, An Phát, Hà Nội computer, Phi Long, Thy Phương, Phương Tùng ...

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

TÀI SẢN	31/12/2016	31/12/2015	Biến động	
			(+ ; -)	(%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	949.969.045.677	1.446.781.598.704	-496.812.553.027	-34,34%
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.480.265.525	13.644.673.812	47.835.591.713	350,58%

Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	-	-	0	0,00%
Phải thu ngắn hạn	623.988.388.385	1.158.419.522.067	-534.431.133.682	-46,13%
Hàng tồn kho	232.914.464.871	254.448.499.465	-21.534.034.594	-8,46%
Tài sản ngắn hạn khác	31.585.926.896	20.268.903.360	11.317.023.536	55,83%
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.031.860.622.498	737.333.051.006	294.527.571.492	39,94%
Tài sản cố định	68.107.075.450	63.815.889.963	4.291.185.487	6,72%
Bất động sản đầu tư	190.167.436.995	131.911.405.107	58.256.031.888	44,16%
Các khoản phải thu dài hạn	3.572.609.250	1.989.816.250	1.582.793.000	79,54%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	736.579.875.111	517.553.882.984	219.025.992.127	42,32%
Tài sản dở dang dài hạn	1.847.698.796	1.793.153.342	54.545.454	3,04%
Tài sản dài hạn khác	31.585.926.896	20.268.903.360	11.317.023.536	55,83%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.981.829.668.175	2.184.114.649.710	-202.284.981.535	-9,26%

Qua bảng cơ cấu nguồn vốn và tài sản của công ty năm tài chính 2016, ta thấy cơ cấu tài sản công ty thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản dài hạn và giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn.

Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn từ năm 2015 từ các đối tác trong và ngoài nước giảm mạnh (534.431.133.682 đồng). Dẫn đến dù tài sản ngắn hạn là tiền các khoản tương đương tiền tăng 350,58% do tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tăng cao. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2016 vẫn giảm 34,34% so với năm 2016.

Tài sản dài hạn tăng do gia tăng các khoản đầu tư tài chính dài hạn và bất động sản đầu tư. Năm 2016, bên cạnh việc nâng cao doanh thu, hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn. Trong năm, công ty đã đẩy mạnh đầu tư vào công ty công phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn đồng thời, tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản (bất động sản đầu tư tăng 58,26 tỷ đồng). Việc nâng cao tỷ trọng đầu tư, cơ cấu tài sản cố định đã khiến tỷ trọng tài sản dài hạn tăng 39,94% so với năm 2015.

2.2. Tình hình nợ phải trả

NỢ PHẢI TRẢ	12/31/16	12/31/15	Biến động	
			(+ ; -)	(%)
NỢ NGẮN HẠN	689,423,012,882	544,532,984,558	144,890,028,324	26.61%
Phải trả cho người bán ngắn hạn	28,465,555,041	101,584,962,230	-73,119,407,189	-71.98%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	273,433,838,922	138,130,459,686	135,303,379,236	97.95%

30

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	46,753,283,642	7,632,994,225	39,120,289,417	512.52%
Phải trả người lao động	149,461,237	-	149,461,237	0.00%
Chi phí phải trả ngắn hạn	122,247,941,950	58,458,000,294	63,789,941,656	109.12%
Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	0	0.00%
Doanh thu chưa thực hiện	1,074,312,789	1,792,607,311	-718,294,522	-40.07%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54,173,679,917	65,153,337,494	-10,979,657,577	-16.85%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	163,124,939,384	175,244,117,580	-12,119,178,196	-6.92%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3,463,494,262)	3,463,494,262	-100.00%
NỢ DÀI HẠN	759,839,593,846	1,167,050,282,329	-407,210,688,483	-34.89%
Chi phí phải trả dài hạn	273,472,622,667	321,159,259,925	-47,686,637,258	-14.85%
Phải trả dài hạn khác	54,836,567,106	194,507,780,778	-139,671,213,672	-71.81%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	404,516,063,049	624,207,441,612	-219,691,378,563	-35.20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27,014,341,024	27,175,800,014	-161,458,990	-0.59%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,449,262,606,728	1,711,583,266,887	-262,320,660,159	-15.33%

Cơ cấu nợ của năm 2016 không có biến động nhiều so với năm 2015, chủ yếu các khoản tăng là do hoạt động phải trả người bán và người mua trả trước từ hoạt động phân phối các sản phẩm viễn thông. Ban Tổng Giám Đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Phân chia lại các khối và bộ phận trong Công ty nhằm chuyên môn hóa việc thực hiện các công việc hàng ngày.
- Bước đầu hoàn thiện công tác cấu trúc bộ máy nhân sự. Bộ máy nhân sự trẻ, nhiệt huyết, năng động và sáng tạo đã góp phần không nhỏ vào thành công của công ty.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 và việc thực hiện các nghị quyết HĐQT của Ban Tổng Giám Đốc. HĐQT có ý kiến điều chỉnh

kế hoạch kinh doanh theo từng giai đoạn để phù hợp với những biến động trên thị trường cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Cập nhật và điều chỉnh các biện pháp về quản lý nhân sự, thiết bị cũng như có các quy định nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ chi phí.

4. Những cải tiến trong tương lai

4.1. Thuận lợi

Là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) - một trong những tập đoàn công chúng đa ngành hàng đầu Việt Nam với tiềm lực tài chính mạnh mẽ cùng năng lực, uy tín quốc tế là một trong những thuận lợi đầu tiên của SAIGONTEL.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SAIGONTEL luôn chứng tỏ tiềm lực phát triển mạnh mẽ và việc thực thi sứ mạng “Trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực CNTT- viễn thông” như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong mọi phương châm, chiến lược và hành động của Công ty.

Với tầm nhìn xa trông rộng cùng sự nhanh nhạy nắm bắt thời cơ của Ban Lãnh đạo Công ty; sự phấn đấu, nỗ lực không ngừng của toàn thể CB-CNV cùng những nền tảng phát triển trong lĩnh vực viễn thông, CNTT và truyền thông, nhiều năm qua SAIGONTEL đã đạt được những thành tích đáng khích lệ như: Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2008, 2009; giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng 2009; “Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín” 2009; giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009, 2010; Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) nhiều năm liền; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010, 2011; là 1 trong số 120 doanh nghiệp dẫn đầu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010, 2011... Đặc biệt, trong năm 2011, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty cũng đạt được một số giải thưởng như: Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu 2011, Thương hiệu mạnh, Sao Vàng đất Việt; giải thưởng “Ernst & Young - Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp” của ông Đặng Thành Tâm, CT HĐQT Công ty...

Một thuận lợi nữa là lĩnh vực, ngành nghề hoạt động mà Công ty theo đuổi luôn đạt được những kết quả nhất định như ngành CNTT, truyền thông vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh kinh tế khó khăn; Theo thông tin tại Hội nghị "Ngày Internet Việt Nam 2016" sự kiện do Bộ Thông tin và truyền thông tổ chức Doanh thu ngành công nghiệp nội dung số trong 6 năm vừa qua tăng từ 480 triệu USD lên tới 1,4 tỷ USD và tạo việc làm cho hơn 70.000 lao động, hứa hẹn là một thị trường rất tiềm năng về tăng trưởng và sinh lợi cao... Đặc biệt, CNTT - Viễn thông cũng là ngành được Chính phủ tập trung phát triển theo tầm nhìn đến năm 2020.

4.2. Hạn chế

Do hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều ngành nghề nên nguồn lực bị phân tán. Đội ngũ nhân sự của Công ty chưa theo kịp tiến độ các dự án. Một số chính sách vĩ mô cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, tình hình kinh tế chung với nhiều khó khăn dễ thấy như biến động tăng tỷ giá đô la Mỹ (khoảng 3,6%) vào những tháng cuối năm, biến động tỷ giá nguyên vật liệu đầu vào, cùng những diễn biến khó lường của tình hình tài chính, tiền tệ, chứng khoán.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Hoạt động của Công ty trong năm 2016 đã được thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp với quan điểm và chủ trương của Hội đồng Quản trị và Đại hội Cổ đông đã đề ra trong các lĩnh vực hoạt động. Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty là 721,4 tỷ đồng, tăng trưởng lớn so với năm 2015 đạt 160,3% kế hoạch và tăng 1.19 lần so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 79,1 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch đề ra và tăng gấp 2,8 lần so với kết quả kinh doanh năm 2015.

Trong những năm qua, việc tiến hành tái cấu trúc doanh nghiệp đã bước đầu hoàn thiện và đi vào ổn định. Việc này đã đem lại những kết quả tích cực, khi bộ máy nhân sự đã bắt đầu hoạt động trơn tru và có sự phối hợp tương đối hiệu quả giữa các phòng ban. Bên cạnh việc duy trì những mảng kinh doanh truyền thống như thực hiện các dự án mua sắm, cho thuê đất tại các khu công nghiệp. Công ty đã bước đầu mở rộng phạm vi kinh doanh hiện có, đặc biệt là phát triển kinh doanh hạ tầng dịch vụ và phân phối các sản phẩm linh phụ kiện công nghệ cao. Bên cạnh những thành quả đã đạt được, hoạt động kinh doanh của công ty không tránh khỏi những ảnh hưởng của sự biến động tỷ giá, đặc biệt là tỷ nguyên vật liệu đầu vào, dẫn đến việc doanh thu và chi phí trong mảng thương mại chưa đạt được như kỳ vọng.

Tuy nhiên, năm 2016 vẫn được coi là một năm kinh doanh thành công của Saigontel và là năm tiền đề để xây dựng những hoạt động chiến lược cho những năm về sau.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung.

Năm 2016 được coi là năm tiền đề trong việc định hướng hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu bộ máy nhân sự. Bên cạnh đó, những diễn biến phức tạp cùng sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế, sự biến động tỷ giá NVL đầu vào đã đặt ra nhiều thách thức cho việc kinh doanh. Để cân nguồn vốn, thanh toán các khoản nợ gốc, lãi vay, đưa ra các giải pháp tài chính nhằm đảm bảo sự lưu chuyển linh hoạt của dòng tiền gặp nhiều khó khăn khi công tác thanh toán của đối tác đầu ra thường chậm hơn 1,5 – 2 tháng so với hợp đồng. Tuy vậy, Ban giám đốc Công ty đã rất chủ động, linh hoạt và sáng tạo để giải quyết khó khăn, thực hiện mục tiêu chung vì hiệu quả kinh doanh của công ty. Nâng lãi cơ bản trước thuế trên cổ phiếu từ 382 VNĐ/CP (năm 2015) lên tới 1069 VNĐ/CP.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

3.1. *Kế hoạch, định hướng năm 2017 khởi văn phòng SAIGONTEL*

a) *Bộ phận Hành chính - Nhân sự:*

Tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc toàn bộ hệ thống, nâng cao hiệu quả điều hành công việc; Tăng cường kiểm soát ngân sách và chi phí, đặc biệt cắt giảm chi phí trong các công việc không liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD, tạo ra lợi nhuận, giúp Công ty thích ứng nhanh nắm bắt các cơ hội đang có xu hướng mở ra trong thời gian tới. Tiếp tục tổ chức các khóa học ngắn hạn bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, huấn luyện chuyên môn nâng cao cho nhân sự theo yêu cầu của từng bộ phận.

Xây dựng các chương trình hoạt động nội bộ bên cạnh các hoạt động hướng ngoại nhằm đẩy mạnh tinh thần làm việc, đoàn kết giữa các nhân viên công ty thuộc các Phòng, Ban trong Công ty.

b) Bộ phận Marketing – Truyền thông

Xây dựng kế hoạch marketing để tiếp tục quảng bá thương hiệu SAIGONTEL.

Khảo sát và đánh giá thị trường để có định hướng chiến lược phù hợp, lâu dài và ổn định.

Triển khai các chương trình duy trì hình ảnh, thương hiệu qua các chương trình, sự kiện với nhiều hình thức phong phú như: tham gia các cuộc thi, bình chọn thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm nhằm khẳng định vị trí và uy tín của thương hiệu SAIGONTEL, tổ chức các sự kiện lớn cho các CB-NV, khách hàng...

Tổ chức thực hiện các kênh truyền thông hiệu quả, chi phí hợp lý.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa và tinh thần đoàn kết giữa các phòng ban trong Công ty thông qua các hoạt động, chương trình nội bộ...

c) Bộ phận Tài chính:

Điều hành hoạt động tài chính - kế toán theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt và đầy đủ các chức năng Kế toán Quản trị, Tài chính doanh nghiệp giúp Ban Điều hành quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Cân nguồn vốn, thanh toán các khoản nợ gốc, lãi vay, đưa ra các giải pháp tài chính nhằm đảm bảo sự lưu chuyển linh hoạt của dòng tiền gặp nhiều khó khăn khi công tác thanh toán của đối tác đầu ra thường chậm hơn 1,5 – 2 tháng so với hợp đồng.

d) Chi nhánh Bắc Ninh:

Bên cạnh việc đầu tư vào các dịch vụ hạ tầng viễn thông, hoạt động cho thuê đất - nhà xưởng và các dịch vụ tiện ích tại KCN như hạ tầng, nước sạch, cây xanh, môi trường,.... vẫn là hoạt động chính và đem lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.

Trong năm 2017, Chi nhánh tiếp tục triển khai theo định hướng tập trung lĩnh vực phát triển hạ tầng khu công nghiệp để đảm bảo nguồn thu phí dịch vụ hàng năm nhằm cân đối cho các

hoạt động thường xuyên tại chi nhánh.

- ✦ Trong năm 2017, Chi nhánh tiếp Xây dựng và triển khai đội PCCC khu công nghiệp.
- Tái cấu trúc và chuyên nghiệp hóa đội an ninh bảo vệ
- Lựa chọn và triển khai các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho các bộ phận: kinh doanh, hành chính, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, kỹ thuật nhà máy nước.
- Tăng cường rà soát, kiểm tra và chủ động sửa chữa khắc phục sự cố đối với hệ thống hạ tầng cấp nước sạch, thoát nước mưa, thoát nước thải nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất của khách hàng được ổn định.
- Tăng cường đầu tư vào việc trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trong khu công nghiệp.
- Bên cạnh đó, để tiếp tục có nguồn đất phục vụ cho hoạt động kinh doanh, trong năm 2017 Chi nhánh sẽ bắt đầu triển khai giai đoạn 2 tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn với diện tích quy hoạch 96.2ha với tổng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự kiến cho toàn bộ giai đoạn 2 ước tính lên đến 338 tỷ đồng. Theo đó, kế hoạch cụ thể cho năm 2017 như sau:
 - Hoàn thành việc xin cấp phép GD 2
 - Tập trung đền bù GPMB từ 30-40% diện tích được giao.
 - Đầu tư hạ tầng cuốn chiếu theo tiến độ kinh doanh và đặt mua của khách hàng.

e) Công ty CP Phân Phối và Dịch Vụ SaigonTel

Từ những thành công đã đạt được trong năm 2016, SDJ đã bước đầu xây dựng được uy tín đối với các hãng lớn cũng như khẳng định vị trí của mình trên thị trường phân phối trong nước. Trong năm 2017 SDJ đặt mục tiêu từng bước trở thành nhà phân phối độc quyền cho các hãng như Seagate, Transcend, Plantronics, Anitech. SDJ định hướng là tiếp tục đi song song 2 mảng linh kiện và phụ kiện để đảm bảo 2 tiêu chí: đạt doanh thu cao từ mảng linh kiện, đồng thời mảng phụ kiện giúp đạt tỷ suất lợi nhuận cao để bù lại lợi nhuận thấp của mảng linh kiện.

Bên cạnh chiến lược về sản phẩm, SDJ cũng đặt ra định hướng về chiến lược thị trường với chiến lược phủ kênh rộng khắp, tận dụng kinh nghiệm thị trường và mối quan hệ của đội kinh doanh. Ngoài ra, công ty sẽ mở rộng thêm thị trường tại Miền Tây Nam bộ và Miền Trung (Tây Nguyên), tăng cường mạng lưới kênh bán hàng để tăng Fund từ các hãng. Đồng thời, SDJ tiếp tục xây dựng mối quan hệ tốt với hãng thông qua làm việc chặt chẽ, xây dựng những giá trị cộng thêm cho hãng như cập nhật thị trường, đưa ra các đề xuất phát triển thị trường tốt hơn, thực hiện các chương trình marketing thay cho hãng...

Song song với các chiến lược kinh doanh, năm 2017 cũng là năm mà SDJ hoàn thiện hơn đội ngũ nhân sự cùng với các quy trình nghiệp vụ phân phối nhằm mang lại dịch vụ phân phối tốt nhất cho hãng và khách hàng, cũng như quản trị hiệu quả chi phí, rủi ro giúp mang lại lợi nhuận tốt hơn cho công ty.

✚ **Dự kiến:** năm 2017, SDJ đặt kế hoạch doanh thu 145.5 tỷ với lợi nhuận trước thuế đạt 6.7 tỷ (tương đương mức tỷ suất lợi nhuận 4.6% là mức lợi nhuận khá cao so với các công ty cùng ngành phân phối).

f) Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel

Trong năm 2017, bên cạnh việc triển khai mảng kinh doanh truyền thống là cung cấp thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông (CNTT – VT), Công ty TNHH Một thành viên Saigontel dự kiến đẩy mạnh việc cung cấp thêm các dịch vụ phụ trợ để bước đầu tạo lập vị thế của 01 đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT đa dạng hàng đầu tại Việt Nam. Theo đó, MTV sẽ hoạt động với 3 mảng kinh doanh chính ở cả miền Nam và miền Bắc bao gồm:

Đầu tiên là hoạt động truyền thống của MTV với mảng cung cấp thiết bị CNTT – Viễn Thông, trong năm 2017 MTV tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp các sản phẩm viễn thông theo hình thức từng dự án, tham gia thầu với các đối tác truyền thống như Viettel, Bộ Công an,... Đồng thời, bắt đầu mở rộng hoạt động kinh doanh với các đối tác tiềm năng mới như: Tập đoàn tổng công ty nhà nước: Viettel, VMS, PVoil; Ngân hàng/ tổ chức tín dụng như ACB, MB, MBF; Khách hàng khối GOV: Bộ Y Tế, Bộ giáo dục... Song song với các khách hàng đầu ra, MTV vẫn luôn nhìn nhận quan hệ với các đối tác đầu vào là một trong những yếu tố quan trọng nhất để cung cấp tới khách hàng những hệ thống CNTT-VT ưu việt. Hiện tại, MTV đã là đối tác chiến lược của các nhà cung cấp sản phẩm và giải pháp dẫn đầu thế giới như Oracle, IBM, Fortinet, Ruckus, Dell, HP, Cisco, Tente, Optoray, AMP, Bosch, Polycom,...

Bên cạnh đó, từ những thành công bước đầu của năm 2016 khi MTV bắt đầu tham gia vào việc cung cấp và xây dựng các dịch vụ hạ tầng viễn thông, trong năm 2017, MTV tiếp tục

mở rộng và phát triển dịch vụ này với các khách hàng trọng tâm bao gồm: Tập đoàn tổng công ty nhà nước: HTC, Viettel, VMS, PVoil; Ngân hàng/ tổ chức tín dụng như ACB, MB, MBF; Khách hàng khối GOV: Bộ Giao thông, Bộ Y Tế, Bộ giáo dục...

Cuối cùng, bên cạnh các hoạt động cốt lõi về dịch vụ viễn thông, trong năm 2017 MTV cũng sẽ triển khai và đưa vào hoạt động các trung tâm dịch vụ với các hoạt động: Kinh doanh xăng dầu với PVOils; Kinh doanh dịch vụ Viễn thông, công nghệ thông tin, văn phòng, và dịch vụ tiện ích. Tuy nhiên, các trung tâm dịch vụ ở giai đoạn này chỉ mới tập trung chạy cho dự án cây xăng với PVOils tại các KCN thuộc sở hữu của SGT và tập đoàn SGI để tạo tiền đề cho việc phát triển các dịch vụ khác.

✦ **Dự kiến:** với các định hướng kinh doanh như trên, trong năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Saigontel đặt kế hoạch doanh thu 265 tỷ với lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 14.8 tỷ đồng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị SGT tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TV HĐQT ĐỘC LẬP	TV HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TV HĐQT ĐIỀU HÀNH	GHI CHÚ
1	Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT		x		Cổ đông lớn của Công ty kiêm Chủ tịch HĐQT của Công ty liên kết (*)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	x	x		Cổ đông công ty với tư cách cá nhân
3	Bà Nguyễn Thị Sương	Thành viên HĐQT	x	x		Cổ đông công ty với tư cách cá nhân
4	Bà Nguyễn Cẩm Phương	Thành viên HĐQT			x	Tổng Giám Đốc

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TV HĐQT ĐỘC LẬP	TV HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TV HĐQT ĐIỀU HÀNH	GHI CHÚ
5	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	x		x	Phó Tổng Giám Đốc Tài chính kiêm Quyền Kế toán trưởng

(* Ông Đặng Thành Tâm hiện là Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn.

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tại các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT chỉ ban hành Nghị quyết đối với các vấn đề cần thiết, đối với những cuộc họp định kỳ thông thường chỉ có Biên bản họp HĐQT. Sau đây là một số những Nghị quyết, Quyết định quan trọng đã được ban hành trong năm 2016:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết 01	30/06/2016	Thông qua BCTC Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM; Báo cáo tình hình hoạt động năm 2015, kế hoạch năm 2016 và Báo cáo của Ban kiểm soát; Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2016
2	Nghị quyết 02	30/06/2016	Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và điều lệ công ty.

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày họp	Nội dung
01	02/2016/QĐ-HĐQT	19/04/2015	V/v gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2015
02	03/2016/QĐ-HĐQT	20/04/2015	V/v thành lập văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hà Nội
03	04/2016/QĐ-HĐQT	20/04/2015	V/v Bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện Công ty
04	05/2016/QĐ-	20/04/2015	V/v thành lập văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày họp	Nội dung
	HĐQT		Hồ Chí Minh
05	06/2016/QĐ-HĐQT	20/04/2015	V/v Bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện Công ty
06	07/2016/QĐ-HĐQT	29/04/2016	V/v Cử đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại Trường Đại học Hùng Vương Tp.HCM
07	08/2016/QĐ-HĐQT	15/06/2016	Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung tổ chức Đại Hội Cổ Đông
08	09/2016/QĐ-HĐQT	02/07/2016	V/v Chỉ định đơn vị tư vấn dự án Tòa nhà văn phòng ICT 2
09	10/2016/QĐ-HĐQT	09/09/2016	V/v Thay đổi đại diện phần vốn góp của SAIGONTEL tại Công ty cổ phần Dệt May Viễn Thông Sài Gòn Vina
10	11/2016/QĐ-HĐQT	03/10/2016	V/v Chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Phát Triển Nhà Máy Điện Sài Gòn Bình Thuận
11	12/2016/QĐ-HĐQT	07/10/2016	V/v Miễn nhiệm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối Công Nghệ
12	12A/2016/QĐ-HĐQT	18/10/2016	V/v Chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn
13	13/2016/QĐ-HĐQT	22/11/2016	V/v Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Saigontel

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu viên Hội đồng quản

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu
1	Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên	7

2	Bà Sú Ngọc Bích	Thành viên	
3	Bà Lê Thị Kim Nhung	Thành viên	1,392,817

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 01 lần, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của HĐQT, ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy trình, nghị quyết và quyết định.

Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2016.

Trong năm 2016, Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm soát việc sửa đổi, ban hành các qui chế, qui định quản lý nội bộ: Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty ban hành các qui chế, qui định quản lý nội bộ, tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện kiểm soát ngay trong giai đoạn dự thảo, sửa đổi các qui chế, quy định.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty; trình tự ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với qui định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc lập báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính được đưa ra.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty trong năm 2016.
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

✦ *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Năm 2016, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không nhận thù lao, phụ cấp từ Công ty.

✦ *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

Không có

✦ *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*

Không có

✦ *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Liên quan đến báo cáo tài chính năm 2016, Công ty có làm công văn giải trình số liệu BCTC của Công ty mẹ được xác nhận của kiểm toán, với các nội dung cơ bản như sau :

- Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2016 giảm so với năm 2015, chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán năm 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán được đăng tải trên website của công ty tại địa chỉ: <http://saigontel.vn/vi/bai-viet/cbtt-bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-da-duoc-kiem-toan>

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cẩm Phương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ
ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG
SÀI GÒN**

MỤC LỤC

----- 000 -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-04
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13-56

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302615063, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 14, ngày 17 tháng 06 năm 2015) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán thiết bị điện - điện tử; Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin; Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính; mua bán phần mềm.

- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học; Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

- Sao chép bản ghi các loại. Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo dạy nghề.

- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng); Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng); Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản); Cho thuê kho bãi, kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp; Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp; Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Môi giới thuê tàu biển; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).

- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa (trừ môi giới bất động sản).

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở).

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm.

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thuyết bị truyền dẫn đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.
- Sửa chữa thiết bị liên lạc. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căn tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).
- Dịch vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, truyền tải điện (không hoạt động tại trụ sở).

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP).
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Vận tải hàng hóa đường sắt. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa thông thường. Vận tải hàng nặng, vận tải container. Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng. Hoạt động chuyển đồ đạc.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Chuyển phát. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế.
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa hàng không).
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản).
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất là đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản).
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất là đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Tên tiếng anh: SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORPORATION

Tên viết tắt: SAIGONTEL

Mã chứng khoán niêm yết: SGT

Trụ sở chính: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động hợp nhất:

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Cẩm Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sương	Thành viên
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Sú Ngọc Bích	Trưởng ban
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Cẩm Phương	Tổng Giám Đốc	
Ông Phạm Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2016
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Quyền Kế toán trưởng	
Ông Vũ Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Đặng Thành Tâm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Theo Quyết định số 29/2015/QĐ-SGT ngày 02/12/2015 về việc Ban hành quy định về quyền hành và trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Ông Đặng Thành Tâm đã ủy quyền cho Bà Nguyễn Cẩm Phương (Tổng Giám đốc) ký thay các văn bản, hồ sơ, hợp đồng kinh tế, báo cáo tài chính, chứng từ giao dịch của Công ty, thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến hết nhiệm kỳ làm việc của Tổng Giám đốc.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tín học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Cẩm Phương

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957
Email: Info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 06.16.216-HN/ATSC-DDN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẬU NGUYỄN LÝ HẰNG
 Số GCNDKHKTKT: 1169-2013-05-1
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



PHẠM THỊ HỒNG UYÊN
 Số GCNDKHKTKT: 0794-2013-05-1
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		957.469.045.677	1.446.781.598.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.480.265.525	13.644.673.812
1. Tiền	111		61.480.265.525	13.644.673.812
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		623.988.388.385	1.158.419.522.067
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	187.908.490.740	400.447.325.141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	78.234.245.469	27.741.694.063
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	30.000.000.000	824.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	382.500.643.355	765.224.485.721
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2,5	(54.654.991.179)	(35.818.321.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	338.972
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	232.914.464.871	254.448.499.465
1. Hàng tồn kho	141		232.914.464.871	254.448.499.465
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.585.926.896	20.268.903.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.969.838.339	442.304.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.17b	23.490.497.248	18.680.021.226
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17b	1.064.637.309	1.118.153.375
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		60.954.000	28.424.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.003.395.743.516	724.295.123.078
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.572.609.250	1.989.816.250
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.572.609.250	1.989.816.250
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.107.075.450	63.815.889.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	67.684.516.574	63.752.629.971
- Nguyên giá	222		95.537.416.225	85.231.629.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.852.899.651)	(21.478.999.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	422.558.876	63.259.992
- Nguyên giá	228		446.312.900	69.010.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.754.024)	(5.750.908)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	190.167.436.995	131.911.405.107
- Nguyên giá	231		218.702.462.331	148.455.242.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.535.025.336)	(16.543.837.567)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	1.847.698.796	1.793.153.342
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.847.698.796	1.793.153.342
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	736.579.875.111	517.553.882.984
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		773.539.695.776	541.064.645.776
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.959.820.665)	(23.510.762.792)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.121.047.914	7.230.975.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.973.254.544	7.230.975.432
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	147.793.370	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.960.864.789.193	2.171.076.721.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.449.262.606.728	1.711.583.266.887
I. Nợ ngắn hạn	310		689.423.012.882	544.532.984.558
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.14	28.465.555.041	101.584.962.230
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	273.433.838.922	138.130.459.686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a	46.753.283.642	7.632.994.225
4. Phải trả người lao động	314		149.461.237	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	122.247.941.950	58.458.000.294
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.074.312.789	1.792.607.311
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	54.173.679.917	65.153.337.494
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	163.124.939.384	175.244.117.580
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	(3.463.494.262)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		759.839.593.846	1.167.050.282.329
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18b	273.472.622.667	321.159.259.925
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	54.836.567.106	194.507.780.778
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	404.516.063.049	624.207.441.612
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	27.014.341.024	27.175.800.014
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

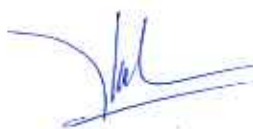
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511.602.182.465	459.493.454.895
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	511.602.182.465	459.493.454.895
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		740.019.140.000	740.019.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		740.019.140.000	740.019.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.100.000)	(3.100.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(228.413.857.535)	(280.522.585.105)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(279.411.896.544)	(302.854.339.965)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.998.039.009	22.331.754.860
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.960.864.789.193	2.171.076.721.782

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Quyển Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Hoàng Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	720.067.677.504	539.902.121.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.605.041.456	94.400.001
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	710.462.636.048	539.807.721.247
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	464.816.827.993	449.747.925.212
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		245.645.808.055	90.059.796.035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.787.090.278	62.831.107.133
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	80.765.339.791	73.890.658.856
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.670.961.034	68.368.990.840
8. Chi phí bán hàng	25		21.799.862.455	9.048.438.864
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	68.631.198.545	42.148.230.342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		77.236.497.542	27.803.575.106
11. Thu nhập khác	31		8.154.742.996	1.367.869.156
12. Chi phí khác	32		6.271.703.754	895.389.065
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.883.039.242	472.480.091
14. Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		79.119.536.784	28.276.055.197
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	28.430.750.135	6.105.759.327
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(309.252.360)	(161.458.990)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		50.998.039.009	22.331.754.860
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		50.998.039.009	22.331.754.860
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	689	302
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	689	302

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Quyền Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Hoàng Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.119.536.784	28.276.055.197
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-11	18.585.337.581	16.675.379.544
- Các khoản dự phòng	03		32.285.727.222	15.380.416.616
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		191.751.687	278.340.072
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.171.399.285)	(558.516.685)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	66.670.961.034	68.368.990.840
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		194.681.915.023	128.420.665.584
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		503.775.075.909	(122.404.920.666)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(49.818.804.464)	(232.417.449.122)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(63.635.768.856)	184.383.242.803
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(2.269.812.692)	7.591.466.564
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.307.120.817)	(11.442.427.309)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(412.328.289)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	141.167.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(32.530.000)	(1.067.161.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		527.980.625.814	(46.795.416.472)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(10.131.727.228)	(47.327.106.596)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		330.953.376	63.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.900.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.824.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(176.842.050.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.192.730.485	5.999.120.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		272.481.216	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(239.253.612.151)	(41.264.350.232)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	170.072.202.640	171.421.527.512
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(410.902.759.399)	(108.732.601.365)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(240.830.556.759)	62.688.926.147
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		47.896.456.904	(25.370.840.557)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.644.673.812	39.088.863.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(60.865.191)	(73.349.030)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		61.480.265.525	13.644.673.812

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Quyền Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Hoàng Anh



Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: không có.**5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016:** 232 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 201 nhân viên)**6. Cấu trúc doanh nghiệp****6.1. Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: hai (02) công ty con.

- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

6.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp được hợp nhất như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Saigontel	Bán buôn và sản xuất thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	20.000.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	30.000.000.000	100%	100%

6.3. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo: không có.**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành cùng ngày hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 22.700 VND/USD, 23.846 VND/EUR.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 22.790 VND/USD, 24.274 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, giá trị phân bổ, giá trị thu hồi... được xác định căn cứ theo lãi suất thị trường.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng khu công nghiệp.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

8.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>05 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>03 - 15 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>04 - 05 năm</i>
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>05 năm</i>

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng	10 năm
Quyền sử dụng đất	44 năm

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm: bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản; công cụ dụng cụ; chi phí nhận chuyển nhượng kênh phân phối, chi phí dự án telecom và chi phí phát sinh trong quá trình nghiên cứu của các dự án khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí tạm tính giá vốn hoạt động cho thuê đất ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận...

Đối với hoạt động cho thuê đất: chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

$$\text{Giá vốn hoạt động cho thuê đất} = \text{Diện tích đất cho thuê trong kỳ} \times \text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất cho thuê theo dự toán đầu tư} \times \text{Tỷ lệ \% ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng}$$

Trong đó, đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn là 416.685 đ/m² diện tích đất thương phẩm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản tại Tòa nhà Saigontel Tower, Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh và cho thuê nhà xưởng tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng:

Công ty áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức; 2. Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản; 3. Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; 4. Ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hoạt động cho thuê đất, cho thuê nhà xưởng; sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Đối với Văn phòng Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Công ty mẹ)

- Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng theo thuế suất phổ thông.

Đối với Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Công ty mẹ)

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất phổ thông. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 20%.

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 22%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 (bốn) năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng, các năm trước Chi nhánh tính thuế TNDN theo tổng thu nhập chịu thuế được ghi nhận phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm. Từ năm 2012, căn cứ theo Biên bản Quyết toán thuế tại Chi nhánh ký ngày 14/12/2012, Chi nhánh tính thuế TNDN hiện hành theo thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước.

- Chi phí thuế TNDN của các năm còn lại (chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN năm hiện hành với chi phí thuế được tính thuế TNDN theo tổng thu nhập chịu thuế được ghi nhận theo phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm) được hạch toán vào chi phí thuế TNDN hoãn lại của năm hiện hành.

- Thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng của các năm 2009 đến năm 2011 cũng được tính theo thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước và được hạch toán vào tài khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả.

- Đối với hoạt động kinh doanh nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2017), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 20%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 3 (ba) năm (từ năm 2006 đến năm 2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2015).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con là Công ty TNHH MTV Saigontel và Công ty CP Phân phối và Dịch vụ Saigontel trong năm là 20%.

23. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

26. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh, báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền	61.480.265.525	13.644.673.812
Tiền mặt	119.983.674	460.051.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.360.281.851	13.184.622.632
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	61.480.265.525	13.644.673.812

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	187.908.490.740	(12.650.648.538)	400.447.325.141	(9.525.321.830)
Khách hàng trong nước	184.998.778.316	(12.650.648.538)	396.379.650.051	(9.525.321.830)
+ CTCP OTC Việt Nam	28.503.782.348	-	29.486.782.348	-
+ CTCP Bluecom Việt Nam	-	-	22.080.510.595	-
+ Tổng công ty CP Đầu Tư Quốc Tế Viettel	-	-	59.684.203.200	-
+ CTCP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	-	-	199.750.000.000	-
+ CTCP Quản lý Đầu tư Chuyên nghiệp	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	136.494.995.968	(12.650.648.538)	65.378.153.908	(9.525.321.830)
Khách hàng nước ngoài	2.909.712.424	-	4.067.675.090	-
+ Các đối tượng khác	2.909.712.424	-	4.067.675.090	-
Cộng	187.908.490.740	(12.650.648.538)	400.447.325.141	(9.525.321.830)
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
+ Tổng Công Ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	45.100.844	-	60.280.000	-
+ CTCP Xây dựng Sài Gòn Kinh Bắc	4.400.000	-	14.520.000	-
+ CTCP Dịch Vụ Kinh Bắc	50.696.888	-	3.856.580.624	-
+ CTCP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	-	-	199.750.000.000	-
Cộng	100.197.732	-	203.681.380.624	-
3. Trả trước cho người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	78.234.245.469	(627.325.000)	27.741.694.063	-
Nhà cung cấp trong nước	75.280.308.233	-	23.364.502.741	-
+ Công ty TNHH SX TM DV Viễn Đông	2.719.610.431	-	2.179.610.431	-
+ CTCP OTC Việt Nam	6.155.850.000	-	-	-
+ Công ty TNHH TMTV Công Nghệ Nội Dung Thời Gian	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ NHA ENTERPRISE CORP	2.813.871.295	-	-	-
+ CTCP Quản Lý Dầu Tư Chuyên Nghiệp	4.535.200.800	-	-	-
+ CTCP Kết Cấu Thép Xây Dựng Hà Nội	99.896.899	-	5.040.494.701	-
+ CTCP Quản Lý Dầu Tư Chuyên Nghiệp	4.958.185.296	-	-	-
+ CTCP TN Global	36.363.472.030	-	-	-
+ Các đối tượng khác	13.634.221.482	-	12.144.397.609	-
Nhà cung cấp nước ngoài	2.953.937.236	(627.325.000)	4.377.191.322	-
+ Shenzhen Newdell Science & Technology Co. Ltd	1.254.650.000	(627.325.000)	1.254.650.000	-
+ Huangshan Optoray Communication Limited	1.633.725.000	-	-	-
+ Pravis Systems	-	-	675.300.000	-
+ Các đối tượng khác	65.562.236	-	2.447.241.322	-
Cộng	78.234.245.469	(627.325.000)	27.741.694.063	-
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
+ CTCP Truyền thông kinh tế Sài Gòn	720.805.546	-	720.805.546	-
+ CTCP Du lịch Sài Gòn	59.044.300	-	24.817.000	-
+ CTCP TN Global	36.363.472.030	-	-	-
+ CTCP Xây Dựng Sài Gòn Kinh Bắc	691.162.780	-	691.162.780	-
+ CTCP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	205.463.700	-	251.829.700	-
+ CTCP KCN Sài Gòn - Bắc Giang	1.063.714.723	-	599.794.964	-
Cộng	39.103.663.079	-	2.288.409.990	-
4. Phải thu về cho vay				
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	30.000.000.000	-	824.000.000	-
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	-	-	824.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Cty CP Địa Ốc Viễn Đông	30.000.000.000	-	-	-
Cộng	30.000.000.000	-	824.000.000	-
b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	-	-	824.000.000	-
+ Cty CP Địa Ốc Viễn Đông	30.000.000.000	-	-	-
Cộng	30.000.000.000	-	824.000.000	-
5. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	382.500.643.355	(39.719.091.328)	765.224.485.721	(26.293.000.000)
Ký cược, ký quỹ	1.829.130.806	-	13.964.813.549	-
+ Ngân hàng Quân đội	1.384.823.002	-	3.361.567.312	-
+ Ký quỹ tại các đối tượng khác	444.307.804	-	46.542.000	-
Tạm ứng	3.471.604.181	-	4.232.466.983	-
Phải thu khác	377.199.908.368	(39.719.091.328)	747.027.205.189	(26.293.000.000)
+ Kinh phí công đoàn	6.221.500	-	34.468.890	-
+ Bảo hiểm y tế	253.170	-	-	-
+ Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam	-	-	120.000.000.000	-
(1) + Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC	31.690.000.000	(31.690.000.000)	31.690.000.000	(22.183.000.000)
(2) + CTCP Dịch vụ Kinh Bắc	254.500.000.000	(4.110.000.000)	388.200.000.000	(4.110.000.000)
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	-	-	54.172.800.000	-
(3) + Công ty CP Cơ Điện Tử - Tin Học Cholimex	31.250.000.000	-	31.250.000.000	-
+ CTCP TN Global	-	-	75.200.000.000	-
+ Phạm Thị Yên	10.981.000.000	-	-	-
+ CTCP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	4.416.574.667	-	4.416.574.667	-
+ Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3.919.091.328	(3.919.091.328)	3.919.091.328	-
(4) + Triệu Thị Duyên	34.600.000.000	-	34.600.000.000	-
+ Hewlett-Packard Singapore Pte. Ltd.	1.413.562.136	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ CTCP Năng Lượng Sài Gòn - Bình Định	1.385.500.000			
+ Transcend Information Inc.	609.715.885	-	-	-
+ Công ty TNHH Phần mềm BSM	1.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	1.427.989.682	-	3.544.270.304	-
b. Dài hạn	3.572.609.250	-	1.989.816.250	-
Ký quỹ, ký cược	3.572.609.250	-	1.989.816.250	-
+ Taxi Mai Linh	10.000.000	-	10.000.000	-
+ CTCP Đầu tư và Thương mại Kinh Bắc	100.000.000	-	100.000.000	-
+ CTCP Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long		-	220.932.000	-
+ Công ty LD KCN Việt Nam - Singapore	38.198.250	-	38.198.250	-
+ CTCP TN Global	3.298.725.000	-	1.500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	125.686.000	-	120.686.000	-
Cộng	386.073.252.605	(39.719.091.328)	767.214.301.971	(26.293.000.000)
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
+ Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc	254.500.000.000	(4.110.000.000)	388.200.000.000	(4.110.000.000)
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	-	-	54.172.800.000	-
+ Phạm Thị Yến	10.981.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Cơ Điện Tử - Tin Học Cholimex	31.250.000.000	-	31.250.000.000	-
+ CTCP TN Global	3.298.725.000	-	76.700.000.000	-
* Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	-	75.200.000.000	-
* Phải thu từ ký quỹ dài hạn	3.298.725.000	-	1.500.000.000	-
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	4.416.574.667	-	4.416.574.667	-
Cộng	304.446.299.667	(4.110.000.000)	554.739.374.667	(4.110.000.000)

(1) Khoản tiền ứng trước cho Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện (VTC) để mua thiết bị kỹ thuật thành lập công ty con theo Hợp đồng hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(2) Khoản phải thu Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc theo các hợp đồng chuyển nhượng:

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 1012/HĐCN-SBI ngày 10/12/2014, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 8 (tám) triệu cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 160 tỷ đồng.

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 3003/HĐCN-SBI ngày 30/03/2015, số lượng cổ phần chuyển nhượng 4.725.000 cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 94,5 tỷ đồng.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 300315/HĐCN-SPT ngày 30/3/2015, Saigontel đã chuyển nhượng 1.250.000 cổ phần của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn cho Công ty CP Cơ điện tử và tin học Cholimex, tổng giá trị HĐCN là 31.250.000.000 VND.

(4) Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2207/2014/HĐCN/SGT-CNCP ngày 22/07/2014, theo đó số tiền đã chuyển cho bà Triệu Thị Duyên để mua 432.500 cổ phiếu Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn (SQC). Đến thời điểm hiện nay, các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu này vẫn chưa được hoàn thành.

6. Nợ xấu: xem thuyết minh tại trang 48.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	47.226.850	-	54.366.363	-
Chi phí SX, KD dở dang	196.195.792.871	-	193.228.598.510	-
+ Chi phí xây dựng dở dang KCN Đại Đông Hoàn Sơn	188.705.374.309	-	185.747.879.948	-
+ Chi phí khác	7.490.418.562	-	7.480.718.562	-
Hàng hoá	36.671.445.150	-	21.868.084.592	-
Hàng gửi bán	-	-	39.297.450.000	-
Cộng	232.914.464.871	-	254.448.499.465	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 119.378.123.179 VND.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	6.969.838.339	442.304.759
Công cụ, dụng cụ	1.021.120.548	331.671.406
Chi phí khác	5.948.717.791	110.633.353
b. Chi phí trả trước dài hạn	2.973.254.544	7.230.975.432
Chi phí dự án Telecom	2.160.489.329	5.107.443.981
Chi phí thực hiện các dự án tại Hà Nội	-	1.106.604.406
Chi phí phân bổ dài hạn khác	534.336.221	156.190.021
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	278.428.994	860.737.024
Cộng	9.943.092.883	7.673.280.191

9. Tài sản cố định hữu hình

Xem thuyết minh tại trang 49.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	69.010.900	69.010.900
<i>Mua trong năm</i>	377.302.000	377.302.000
Số dư cuối năm	446.312.900	446.312.900
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.750.908	5.750.908
<i>Khấu hao trong năm</i>	18.003.116	18.003.116
Số dư cuối năm	23.754.024	23.754.024
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	63.259.992	63.259.992
Số dư cuối năm	422.558.876	422.558.876

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.

* Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá (*)			
Số dư đầu năm	18.344.615.724	130.110.626.950	148.455.242.674
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	13.223.282.000	57.023.937.657	70.247.219.657
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-
Số dư cuối năm	31.567.897.724	187.134.564.607	218.702.462.331
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	869.540.013	15.674.297.554	16.543.837.567
<i>Khấu hao trong năm</i>	589.000.677	11.402.187.092	11.991.187.769
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-
Số dư cuối năm	1.458.540.690	27.076.484.646	28.535.025.336
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	17.475.075.711	114.436.329.396	131.911.405.107
Số dư cuối năm	30.109.357.034	160.058.079.961	190.167.436.995

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay thuyết minh tại mục V.16.

12. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	1.847.698.796	-	1.793.153.342	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án				
Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành	1.477.762.487	-	1.477.762.487	-
Dự án Tòa nhà ICT 2	369.936.309	-	315.390.855	-
Các dự án khác	-	-	-	-
Cộng	1.847.698.796	-	1.793.153.342	-

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: xem thuyết minh tại trang 50.

14. Phải trả người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	28.465.555.041	28.465.555.041	101.584.962.230	101.584.962.230
Nhà cung cấp trong nước	17.146.202.900	17.146.202.900	38.152.656.889	38.152.656.889
+ CTCP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	3.576.609.943	3.576.609.943	3.576.609.943	3.576.609.943
+ Công ty TNHH MTV Thông tin M3	4.098.666.000	4.098.666.000	-	-
+ CTCP OTC Việt Nam	-	-	5.289.506.048	5.289.506.048
+ CTCP Tư Vấn và Đầu Tư Kim Hà	-	-	3.280.225.500	3.280.225.500
+ Công ty TNHH Bắc Hồng Hà	634.948.800	634.948.800	6.082.880.238	6.082.880.238
+ Công ty TNHH XD Thịnh Cường	184.202.250	184.202.250	8.976.679.850	8.976.679.850
+ Công ty TNHH KT XD Hà Nội HTCONS	-	-	1.734.576.000	1.734.576.000
+ Các đối tượng khác	8.651.775.907	8.651.775.907	9.212.179.310	9.212.179.310
Nhà cung cấp nước ngoài	11.319.352.141	11.319.352.141	63.432.305.341	63.432.305.341
+ Hua KE Supply Chain (HK) Ltd	-	-	26.810.700.000	26.810.700.000
+ Tonhorn Communication Electronic Co., Ltd	-	-	30.111.345.000	30.111.345.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Transcend Information INC.	2.691.120.499	2.691.120.499		
+ Excentrique Asia Pte Ltd	2.659.392.000	2.659.392.000	2.294.429.760	2.294.429.760
+ Seagate Singapore International Headquarters Pte. Ltd	4.610.152.240	4.610.152.240	-	-
+ Các đối tượng khác	1.358.687.402	1.358.687.402	4.215.830.581	4.215.830.581
Cộng	28.465.555.041	28.465.555.041	101.584.962.230	101.584.962.230
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ CTCP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	3.576.609.943	3.576.609.943	3.576.609.943	3.576.609.943
+ CTCP Dịch Vụ Kinh Bắc	-	-	64.350.000	64.350.000
Cộng	3.576.609.943	3.576.609.943	3.640.959.943	3.640.959.943
15. Người mua trả tiền trước			31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn			273.433.838.922	138.130.459.686
Khách hàng trong nước			273.051.416.476	136.360.965.240
+ Công ty CP Du Lịch Sài Gòn			126.511.375.285	126.996.191.357
+ Công ty TNHH Seojin Auto			63.499.332.212	3.658.036.500
+ Công ty TNHH Texon Vietnam			40.664.488.634	
+ Công ty khác			42.376.220.345	5.706.737.383
Khách hàng nước ngoài			382.422.446	1.769.494.446
Công ty Movitel, S.A			382.422.446	1.769.494.446
Cộng			273.433.838.922	138.130.459.686
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan			126.511.375.285	126.996.191.357
+ Công ty CP Du Lịch Sài Gòn			12.272.841.000	-
+ CTCP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn			-	-
Cộng			138.784.216.285	126.996.191.357
16. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	163.124.939.384	163.124.939.384	175.244.117.580	175.244.117.580
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	-	-	970.000.000	970.000.000
(1) + CTCP TN Global	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	3.984.261.302	3.984.261.302	8.629.925.037	8.629.925.037
(2) + CTCP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	50.550.000.000	50.550.000.000	50.550.000.000	50.550.000.000
(3) + CTCP ĐT & PT Hạ tầng KCNC Sài Gòn	28.812.000.000	28.812.000.000	28.812.000.000	28.812.000.000
(4) + CTCP Kum Ba	9.140.432.963	9.140.432.963	-	-
(5) + Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Bắc Ninh	22.818.000.000	22.818.000.000	-	-
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	-	-	-	-
(6) + Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long	11.870.245.119	11.870.245.119	41.528.761.529	41.528.761.529
+ Các đối tượng khác	3.950.000.000	3.950.000.000	2.253.431.014	2.253.431.014
(7) Trái phiếu phát hành	26.000.000.000	26.000.000.000	42.500.000.000	42.500.000.000
b. Vay dài hạn	404.516.063.049	404.516.063.049	624.207.441.612	624.207.441.612
(6) + Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long	445.200.000	445.200.000	445.200.000	445.200.000
(8) + Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	53.185.556.657	53.185.556.657	169.185.556.657	169.185.556.657
(9) + Ngân hàng TMCP Quốc Dân	30.000.000.000	30.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
+ CTCP Kum Ba	-	-	7.703.333.333	7.703.333.333
(10) + Công ty CP Cơ điện tử - Tín học Cholimex	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
(5) + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Ninh	103.885.306.392	103.885.306.392	83.873.351.622	83.873.351.622
(7) Trái phiếu phát hành	209.000.000.000	209.000.000.000	245.000.000.000	245.000.000.000
Cộng	567.641.002.433	567.641.002.433	799.451.559.192	799.451.559.192

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

(6) Chi tiết các hợp đồng vay tại NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long theo các hợp đồng sau:

(6.1) HĐ vay số 7226.15.074.2200611.TD ngày 19/5/2015:

+ Thời hạn vay: 48 tháng, định kỳ 1 tháng trả nợ gốc 1 lần;

+ Lãi suất: Từ 20/5/2015 -20/5/2016: 10%/ năm. Từ 20/5/2016 trở đi: Áp dụng theo lãi suất thả nổi

+ Số dư nợ vay: 445.200.000 VND

+ Tài sản đảm bảo: Ô tô Fortuner V 2.7 4x2 theo HĐ thế chấp số 7222.15.074. 2200611.BĐ ngày 20/5/2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(6.2) HĐTD HM vay số 91771.15.074.2200611.TD ngày 30/10/2015:

- + Hạn mức 170 tỷ VND
- + Thời gian cấp tín dụng: 30/9/2016
- + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày giải ngân
- + Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- + Số dư nợ vay: 9.456.395.589 VND
- + Tài sản đảm bảo:

* Quyền khai thác tài sản trên đất tại Lô 46-CVPM Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 734410.

* Ô tô Toyota Inova mang Biển kiểm soát số: 51F-229.66 thuộc sở hữu Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

* Ô tô Toyota Fortuner Biển kiểm soát số 51F-219.38 thuộc sở hữu Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

* Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các phương án MB tài trợ theo Chi tiết từng phương án cụ thể.

(6.3) HĐTD số 90703.16.074.2200611.TD ngày 12/12/2016:

- + Hạn mức 140 tỷ VND
- + Thời gian cấp tín dụng: 12/12/2016
- + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày giải ngân
- + Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- + Số dư nợ vay: 2.413.849.530 VND
- + Tài sản đảm bảo:

* Quyền khai thác tài sản trên đất Lô 46-KCN Phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

* Ô tô Toyota Inova mang Biển kiểm soát số: 51F-229.66 thuộc sở hữu Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

* Ô tô Toyota Fortuner mang Biển kiểm soát số: 51F-219.38 thuộc sở hữu Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

(8) Chi tiết hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
HĐ vay số 1405/2011/HĐTD-DN ngày 31/05/2011, phụ lục HĐTD ngày 03/07/2012, phụ lục ngày 28/11/2014	60 tháng	Lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của [Agribank + BIDV + Vietcombank + Vietinbank]	53.185.556.657	4.500.000 cổ phiếu SQC của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(9) Chi tiết các hợp đồng vay tại NH TMCP Quốc Dân:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
+ HĐ vay số 395/11/HĐTD/101-11 ngày 14/06/2011	7 năm	15%/năm	30.000.000.000	1.200.000 CP của Công ty CP Khoáng Sản Quý Nhơn (SQC) trị giá 100.800.000.000 VND

(5) Chi tiết các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Bắc Ninh như sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
+ HĐ vay số 02/2014 - ĐTDDA/NHCT282-NX/NVP SGT ngày 01/10/2014	66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	11,5%/năm	112.651.615.375	Tài sản hình thành trong tương lai từ dự án xây dựng 58.100m ² Nhà xưởng và 4.950m ² Nhà văn phòng tại KCN - Đại Đồng Hoàn Sơn; Các
+ HĐ vay số 01/2014 - ĐTDDA/NHCT282-NMN SGT ngày 01/10/2014	51 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	11,5%/năm	14.051.691.017	quyền lợi ích khoản thanh toán liên quan tới QSD đất và Tài sản gắn liền với đất sau thời điểm tháng 09/2014.

(7) Trái phiếu phát hành

Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2009/SGT-WB/TP ngày 09/10/2009 và Phụ lục số 01/2009/SGT-WB/TP/PL03 ngày 31/12/2014	Thời điểm đáo hạn của trái phiếu là 31/12/2019	Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ bình quân của 4 NH [Agribank + BIDV + Vietcombank + Vietinbank] + biên độ 3%/năm	235.000.000.000	Tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án cụm công nghiệp Nam Sông Hồng
---	--	--	-----------------	---

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh khoản vay công ty

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
(2) Hợp đồng vay số 01/2010/HĐVV ngày 15/08/2010 và phụ lục số 05/PLTT-SDN ngày 15/3/2016	Hạn trả nợ ngày 31/12/2017	13%/năm	50.550.000.000	Tín chấp
(3) Hợp đồng vay số 07-2011/HĐVV ngày 01 tháng 03 năm 2011 và phụ lục số 07/PLTT-KCNC ngày 30/3/2016	Hạn trả nợ ngày 31/12/2017	Lãi suất 0,01%/tháng	28.812.000.000	Tín chấp
(4) BB thỏa thuận số 0512/TI-SGT.14 ngày 05/12/2014	Thời hạn thanh toán đến ngày 05/12/2016	8,5%/năm	9.140.432.963	Tín chấp
(10) BB thỏa thuận số 003/2012/TTMV-MEI ngày 03/05/2012 và phụ lục 07 ngày 01/4/2016	Thời hạn thanh toán đến ngày 01/4/2018	8%/năm	8.000.000.000	Tín chấp
(1) Thỏa thuận mượn vốn số 01/2016/TTMV/SDJ ngày 01/01/2016 và khế ước nhận nợ ngày 15/09/2016.	01 tháng	1,2%/tháng	5.000.000.000	Tín chấp

c. Khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
+ CTCP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	50.550.000.000	52.428.458.333	50.550.000.000	45.747.433.333
+ CTCP ĐT & PT Hạ tầng KCNC Sài Gòn	28.812.000.000	204.661.240	28.812.000.000	169.510.600
+ CTCP Kum Ba	9.140.432.963	55.121.629	7.703.333.333	53.153.000
+ CTCP Cơ điện tử - Tín học Cholimex	8.000.000.000	1.038.732.738	8.000.000.000	177.994.438
+ CTCP TN Global	5.000.000.000	-	-	-
Cộng	101.502.432.963	53.726.973.940	95.065.333.333	46.148.091.371

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	1.379.581.592	79.130.393.161	67.816.932.596	12.693.042.157
Thuế TNDN	5.694.897.394	28.430.750.135	412.328.289	33.713.319.240

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 35

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập cá nhân	503.183.070	1.110.916.529	1.338.284.261	275.815.338
Thuế tài nguyên	10.634.784	158.244.620	142.469.882	26.409.522
Các loại thuế khác	44.697.385	10.000.000	10.000.000	44.697.385
Cộng	7.632.994.225	108.840.304.445	69.720.015.028	46.753.283.642
		Số được khấu trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
b. Phải thu	01/01/2016			
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.680.021.226	63.271.245.769	58.459.625.042	23.491.641.953
Thuế TNDN	1.062.266.134	-	-	1.062.266.134
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.192.728.121	2.191.501.651	1.226.470
Thuế thu nhập cá nhân	2.784.556	-	2.784.556	-
Các loại thuế khác	53.102.685	-	53.102.685	-
Cộng	19.798.174.601	63.271.245.769	58.515.512.283	24.555.134.557
18. Chi phí phải trả			31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn			122.247.941.950	58.458.000.294
Chi phí lãi vay			54.703.288.416	45.789.524.423
Giá vốn hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất			64.700.657.760	7.617.156.103
Chi phí kiểm toán			-	45.454.545
Chi phí thuê văn phòng			1.106.157.310	1.110.688.560
Chi phí khác			1.737.838.464	3.895.176.663
b. Dài hạn			273.472.622.667	321.159.259.925
Chi phí lãi vay			273.472.622.667	270.838.506.536
Trích trước chi phí bản quyền game			-	124.190.510
Trích trước giá vốn hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất			-	50.196.562.879
Cộng			395.720.564.617	379.617.260.219
19. Phải trả khác			31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn				
Tài sản thừa chờ giải quyết			13.227.272	18.841.410
Kinh phí công đoàn			10.127.700	5.795.820
Bảo hiểm xã hội			89.204.593	260.895.325
Bảo hiểm y tế			-	17.442.946
Bảo hiểm thất nghiệp			-	8.313.555
Nhận ký quỹ, ký cược			21.000.000	258.660.645
Các khoản phải trả, phải nộp khác			54.040.120.352	64.583.387.793
+ Ông Nguyễn Sơn			-	5.668.078.815
+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh			2.000.000.000	8.000.000.000
+ Bà Lê Thị Tường Vi			-	6.500.000.000
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng			5.200.000.000	200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Công ty CP TN Global	2.400.000.000	700.000.000
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang (1)	21.592.687.097	21.592.687.097
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng (2)	9.091.500.000	8.700.000.000
+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh	72.000.000	72.000.000
+ Ông Đặng Thành Tâm (3)	6.000.000.000	7.000.000.000
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	251.341.500	5.056.341.500
+ Công ty CP TN Global	-	800.000.000
+ Các đối tượng khác	7.432.591.755	294.280.381
Cộng	54.173.679.917	65.153.337.494
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.286.781.928	2.957.995.600
+ Công ty TNHH Thực phẩm ORION VINA	-	66.000.000
+ Công ty TNHH TMDV Mầm Xanh	74.772.000	-
+ Ngân hàng TMCP Quốc Dân	223.730.600	223.730.600
+ Công ty TNHH GHP FAR EAST	1.421.939.000	1.294.839.000
+ Công ty TNHH MTV NEOBAGS VIỆT NAM	343.300.000	343.300.000
+ Công ty TNHH Green Textile Vina	52.800.000	52.800.000
+ Công ty CP Quản lý Quỹ Dầu tư SGI	51.300.000	110.466.000
+ Công ty TNHH TM & DV NINA	714.060.000	714.060.000
+ Các đối tượng khác	404.880.328	152.800.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.549.785.178	191.549.785.178
+ Công ty CP Dầu tư Sài Gòn (4)	51.547.175.178	51.547.175.178
+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	-	80.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	-	60.000.000.000
+ Các đối tượng khác	2.610.000	2.610.000
Cộng	54.836.567.106	194.507.780.778
<p>(1) Khoản phải trả do cần trừ công nợ theo Thỏa thuận số 42 ngày 29/05/2012 giữa 3 bên: Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang và Công ty TNHH NewHope Hà Nội.</p> <p>(2) Khoản vay theo Hợp đồng thoả thuận cho vay giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - CN Bắc Ninh ký ngày ngày 26 tháng 11 năm 2012, thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0%.</p> <p>(3) Khoản mượn tiền theo Hợp đồng thoả thuận mượn vốn số 01/TTMV/TAM-SGT/2014 ngày 29/12/2014, theo đó số tiền mượn là 7 tỷ đồng; Mục đích mượn vốn: Thực hiện một số giao dịch, hoạt động kinh doanh và đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật; Thời hạn mượn vốn: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền đầu tiên; Phí mượn vốn: 0%.</p> <p>(4) Khoản mượn vốn theo Thỏa thuận mượn vốn số 0914/TT-SGT.11 ngày 14/09/2011 và các phụ lục hợp đồng, hạn mức cho mượn là 100.000.000.000 đồng với lãi suất là 0%/năm.</p>		
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
+ Ông Đặng Thành Tâm	6.000.000.000	7.000.000.000
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	9.091.500.000	8.700.000.000
Cộng	15.091.500.000	15.700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Phải trả khác là các bên liên quan		
+ Ông Nguyễn Sơn	-	5.668.078.815
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	51.547.175.178	51.547.175.178
+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	2.000.000.000	88.000.000.000
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	251.341.500	5.056.341.500
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	9.091.500.000	8.700.000.000
+ Công ty CP TN Global	2.400.000.000	1.500.000.000
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang	21.592.687.097	21.592.687.097
+ Ông Đặng Thành Tâm	6.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	92.882.703.775	189.064.282.590
20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
Doanh thu cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ & bảo vệ	717.548.589	1.422.068.111
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	356.764.200	356.764.200
Doanh thu khác	-	13.775.000
Cộng	1.074.312.789	1.792.607.311
21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	147.793.370	-
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	147.793.370	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	27.014.341.024	27.175.800.014
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	27.014.341.024	27.175.800.014
Cộng	27.162.134.394	27.175.800.014
22. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang số 51.		
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của các nhà đầu tư	740.016.040.000	740.016.040.000
Cổ phiếu quỹ	3.100.000	3.100.000
Cộng	740.019.140.000	740.019.140.000
* Số lượng cổ phiếu quỹ	310	310
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740.019.140.000	740.019.140.000
Vốn góp đầu năm	740.019.140.000	740.019.140.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn góp cuối năm	740.019.140.000	740.019.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.001.914	74.001.914
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.001.914	74.001.914
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.001.914	74.001.914
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	310	310
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	310	310
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.001.604	74.001.604
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.001.604	74.001.604
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại	54.815,24	5.737,84
USD	620,33	620,33
EUR	2,04	0,96
Vàng tiền tệ (tính theo Ounce)		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2016	Năm 2015
I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu hoạt động thương mại - dịch vụ	351.014.895.704	458.376.439.760
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	15.247.413.079	10.010.459.074
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng & nhà xưởng	34.905.710.529	21.941.224.821
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	318.899.658.192	49.573.997.593
Cộng	720.067.677.504	539.902.121.248

b. Doanh thu cho thuê tài sản

Trong năm, Công ty đã ghi nhận doanh thu từ hoạt động cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo chính sách kế toán như được trình bày tại Thuyết minh số IV.19. Nếu doanh thu từ việc cho thuê đất này được phân bổ đều trong thời hạn thuê đất, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
b1. Ghi nhận doanh thu một lần		
Doanh thu	316.310.108.310	48.857.422.580
Lợi nhuận kế toán trước thuế	169.855.450.110	26.254.377.205
b2. Ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu	2.113.093.064	1.163.271.966
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.312.566.141	625.104.219

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai ảnh hưởng từ việc ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước:

Theo đánh giá của công ty thì công ty không xảy ra khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước đối với hợp đồng cho thuê đất, nhà xưởng, văn phòng tại Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vì công ty đã thu tiền được 100% số tiền thuê của hợp đồng cho thuê đất này trong năm 2016.

	Năm 2016	Năm 2015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	6.828.456.242	94.400.001
Giảm giá hàng bán	1.021.081.864	
Chiết khấu thương mại	1.755.503.350	-
Cộng	9.605.041.456	94.400.001
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động thương mại - dịch vụ	341.409.854.248	458.282.039.759
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	15.247.413.079	10.010.459.074
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng & nhà xưởng	34.905.710.529	21.941.224.821
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	318.899.658.192	49.573.997.593
Cộng	710.462.636.048	539.807.721.247
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động thương mại - dịch vụ	278.226.065.149	413.131.655.053
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	10.731.011.902	7.178.765.499
Giá vốn hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng	16.342.061.516	13.665.130.799
Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất	159.517.689.426	15.772.373.861
Cộng	464.816.827.993	449.747.925.212
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	480.866.812	228.858.401
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	1.825.730.485	61.303.070.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	407.305.397	407.077.760
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.187.584	892.100.972
Cộng	2.787.090.278	62.831.107.133
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	66.670.961.034	68.368.990.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	453.569.197	277.651.112
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	191.751.687	278.340.072
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	13.449.057.873	4.965.676.832
Cộng	80.765.339.791	73.890.658.856
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	17.580.073.616	15.026.243.347
Chi phí vật liệu quản lý	8.958.335	3.691.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí đồ dùng văn phòng	959.411.994	263.829.867
Chi phí khấu hao	2.452.501.085	1.442.028.807
Thuế, phí, lệ phí	985.709.682	1.163.580.493
Chi phí dự phòng	18.836.669.348	10.758.745.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.885.140.921	3.315.704.958
Chi phí bằng tiền khác	21.922.733.564	10.174.405.299
Cộng	68.631.198.545	42.148.230.342
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016	Năm 2015
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	28.121.497.775	5.944.300.337
2. Chi phí thuế TNDN của phần thu nhập những năm trước tính vào kỳ này	309.252.360	161.458.990
3. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>28.430.750.135</u>	<u>6.105.759.327</u>
(*) Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi về đầu tư theo Luật doanh nghiệp về chế độ miễn giảm thuế theo quy định của Nhà nước. Đối với Chi nhánh Công ty (Công ty mẹ) tại Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 10%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016). Hoạt động khác có thuế suất thuế TNDN là 20%. Đối với hoạt động cho thuê đất tại Bắc Ninh : Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN được tính theo thuế suất phổ thông, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).		
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(147.793.370)	-
- Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(161.458.990)	(161.458.990)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>(309.252.360)</u>	<u>(161.458.990)</u>
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.998.039.009	22.331.754.860
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.998.039.009	22.331.754.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	74.001.604	74.001.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>689</u>	<u>302</u>
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.998.039.009	22.331.754.860
Lãi của trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn mua, chứng quyền	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	50.998.039.009	22.331.754.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	74.001.604	74.001.604
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	74.001.604	74.001.604
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	689	302

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016		
VND	+ 100	(5.085.968.281)
VND	- 100	5.085.968.281
Ngoại tệ (USD)	+ 100	12.443.029
Ngoại tệ (USD)	- 100	(12.443.029)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+ 100	(7.417.929.623)
VND	- 100	7.417.929.623
Ngoại tệ (USD)	+ 100	486.645.047
Ngoại tệ (USD)	- 100	(486.645.047)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giám thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng phần lớn các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt. Các khoản tài sản tài chính bị suy giảm đã được Công ty lập dự phòng đầy đủ.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	163.124.939.384	404.516.063.049	-	567.641.002.433
Phải trả người bán	28.465.555.041	-	-	28.465.555.041
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	111.621.631.814	325.022.407.845	3.286.781.928	439.930.821.587
	303.212.126.239	729.538.470.894	3.286.781.928	1.036.037.379.061
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	175.244.117.580	624.207.441.612	-	799.451.559.192
Phải trả người bán	101.584.962.230	-	-	101.584.962.230
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	115.701.734.039	402.512.482.224	2.957.995.600	521.172.211.863
	392.530.813.849	1.026.719.923.836	2.957.995.600	1.422.208.733.285

Công ty có nhiều khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tới và một số khoản vay đã quá hạn, hiện tại Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để được gia hạn nợ vay bằng văn bản.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản đang xây dựng, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản và cổ phiếu niêm yết làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.16).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính Xem thuyết minh tại trang 52.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	170.072.202.640	171.421.527.512

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	410.902.759.399	108.732.601.365

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc	Công ty liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	-	254.500.000.000
		Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	133.700.000.000	
Công ty CP Địa ốc Viễn Đông	Công ty liên quan	Cho vay	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn - Quy Nhơn	Công ty liên quan	Mua lại đất Đại Đồng Hoàn Sơn	212.022.841.000	(12.272.841.000)
Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang	Công ty liên quan	Phải trả tiền mượn		(21.592.687.097)
Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	Công ty liên quan	Phải trả tiền mượn		(8.900.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	Công ty liên quan	Phải trả tiền mượn		(51.547.175.178)
Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	Công ty liên quan	Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần		31.250.000.000
Công ty CP TN Global	Công ty liên quan	Phải trả tiền hàng		(3.576.609.943)
		Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	75.200.000.000
Công ty CP Du lịch Sài Gòn	Công ty liên quan	Ký quỹ thuê văn phòng	-	3.298.725.000
		Phải trả tiền chuyển nhượng đất		(126.511.375.285)
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	Phải trả tiền mượn	1.000.000.000	(6.000.000.000)
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	(2.000.000.000)
		Trả tiền	86.000.000.000	
Bà Nguyễn Cẩm Phương	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	599.314.655	
		Hoàn ứng	640.911.608	1.596.953
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Quyền Kế toán trưởng	Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	54.172.800.000	-
		Mượn tiền	2.500.000.000	5.370.500.000
		Trả tiền	6.500.000.000	
		Tạm ứng	96.022.886	-
Ông Nguyễn Sơn Bà Phạm Thị Yến	Bên liên quan Bên liên quan	Hoàn ứng	196.038.536	
		Trả tiền mượn	5.668.078.815	-
		Thanh toán tiền mua BĐS	57.887.000.000	10.981.000.000
		Hoàn lại tiền mua BĐS	(68.868.000.000)	
Ông Vũ Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền phạt hợp đồng	10.417.800.000	
		Hoàn ứng	58.400.000	-
Ông Phạm Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	15.000.000	-
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2016	Năm 2015
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	958.846.671	1.169.624.258
Cộng			958.846.671	1.169.624.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Xem thuyết minh tại trang số 53-56.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Quyền Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Hoàng Anh

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2017



Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

	31/12/2016		01/01/2016	
V.6. Nợ xấu	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	352.714.899.587	298.059.908.409	458.218.337.422	422.400.015.592
+ Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC	31.690.000.000	-	31.690.000.000	9.507.000.000
+ Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3.919.091.328	-	3.919.091.328	3.919.091.328
+ CTCP Dịch vụ Kinh Bắc	254.500.000.000	250.390.000.000	388.200.000.000	384.090.000.000
+ Các công nợ phải thu từ hoạt động thương mại	62.605.808.259	47.669.908.409	34.409.246.094	24.883.924.264

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	39.519.404.219	4.687.513.624	9.049.374.006	31.975.338.002	85.231.629.851
Mua trong năm	-	1.394.463.500	852.154.545	985.520.191	3.232.138.236
ĐT XDCB h.thành	8.584.851.438	-	-	-	8.584.851.438
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(424.533.300)	-	(424.533.300)
Tặng khác	-	1.077.186.932	1.112.108.286	-	2.189.295.218
Giảm khác	-	(1.086.670.000)	(76.870.524)	(2.112.424.694)	(3.275.965.218)
Số dư cuối năm	48.104.255.657	6.072.494.056	10.512.233.013	30.848.433.499	95.537.416.225
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.096.155.549	2.865.447.119	3.494.592.768	2.022.804.445	21.478.999.880
Khấu hao trong năm	2.312.891.629	520.528.490	1.564.659.779	2.178.066.798	6.576.146.696
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(93.579.924)	-	(93.579.924)
Tặng khác	-	932.376.934	-	-	932.376.934
Giảm khác	-	(108.667.002)	(861.066.832)	(71.310.102)	(1.041.043.936)
Số dư cuối năm	15.409.047.178	4.209.685.541	4.104.605.791	4.129.561.141	27.852.899.651
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	26.423.248.670	1.822.066.505	5.554.781.238	29.952.533.557	63.752.629.971
Số dư cuối năm	32.695.208.479	1.862.808.515	6.407.627.222	26.718.872.358	67.684.516.574

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 53.476.202.184 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.551.108.204 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: không phát sinh.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Số lượng cổ phần	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
V.13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
+ Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn	6.270.000	(7.841.557.437)	212.158.442.563	220.000.000.000	-	501.600.000.000
+ Công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	16.003.665	(7.449.303.131)	257.863.841.314	171.338.144.445	(4.965.676.832)	166.372.467.613
+ Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	6.141.000	(17.646.664.318)	57.964.062.013	75.610.726.331	(15.102.658.606)	60.508.067.725
+ Ủy thác đầu tư tại Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	1.399.750	(4.022.295.779)	23.334.454.221	27.356.750.000	(3.442.427.354)	23.914.322.646
+ Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn VINA	6.640.000	-	66.400.000.000	6.400.000.000	-	6.400.000.000
+ Công ty CP ĐT & PT HT KCN Cao Sài Gòn	2.881.200	-	28.812.000.000	28.812.000.000	-	28.812.000.000
+ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (*)	-	-	-	4.367.000.000	-	4.367.000.000
+ Trường ĐHDL Hùng Vương	230.000	-	2.300.000.000	2.300.000.000	-	2.300.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận	4.725.000	-	82.867.050.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Việt Số	375.000	-	4.880.025.000	4.880.025.000	-	4.880.025.000
Cộng	773.539.695.776	(36.959.820.665)	736.579.875.111	541.064.645.776	(23.510.762.792)	799.153.882.984

(*) Khoản giảm vốn theo thông báo số 18/2016/VC-VCAM ngày 01/02/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ Phiếu Quý	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	740.019.140.000	(3.100.000)	(302.854.339.965)	437.161.700.035
Lợi nhuận	-	-	22.331.754.860	22.331.754.860
Số dư cuối năm trước	740.019.140.000	(3.100.000)	(280.522.585.105)	459.493.454.895
Số dư đầu năm nay	740.019.140.000	(3.100.000)	(280.522.585.105)	459.493.454.895
Lợi nhuận	-	-	50.998.039.009	50.998.039.009
Tăng khác	-	-	1.110.688.561	1.110.688.561
Số dư cuối năm nay	740.019.140.000	(3.100.000)	(228.413.857.535)	511.602.182.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VL13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016
Tài sản tài chính						
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	773.539.695.776	(36.959.820.665)	541.064.645.776	(23.510.762.792)	736.579.875.111	799.153.882.984
- Phải thu khách hàng	187.908.490.740	(12.650.648.538)	400.447.325.141	(9.525.321.830)	175.257.842.202	390.922.003.311
- Phải thu về cho vay	30.000.000.000	-	824.000.000	-	30.000.000.000	824.000.000
- Phải thu khác	312.386.335.596	(39.719.091.328)	572.738.274.770	(26.293.000.000)	272.667.244.268	546.445.274.770
- Tài sản tài chính khác	60.954.000	-	28.424.000	-	60.954.000	28.424.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	61.480.265.525	-	13.644.673.812	-	61.480.265.525	13.644.673.812
TỔNG CỘNG	1.365.375.741.637	(89.329.560.531)	1.528.747.343.499	(59.329.084.622)	1.276.046.191.106	1.751.018.258.877
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	567.641.002.433		799.451.559.192		545.602.173.057	914.502.325.045
- Phải trả người bán	28.465.555.041		101.584.962.230		28.465.555.041	101.584.962.230
- Phải trả khác và chi phí phải trả	439.930.821.587		521.172.211.863		439.930.821.587	521.172.211.863
TỔNG CỘNG	1.036.037.379.061		1.422.208.733.285		1.013.998.549.685	1.537.259.499.138

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VIII.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chi tiết các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động thương mại - dịch vụ và hoạt động khác	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động cho thuê và bán nhà xưởng	Hoạt động cho thuê lại đất	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	341.409.854.248	15.247.413.079	34.905.710.529	318.899.658.192	710.462.636.048
2. Giá vốn	278.226.065.149	10.731.011.902	16.342.061.516	159.517.689.426	464.816.827.993
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.183.789.099	4.516.401.177	18.563.649.013	159.381.968.766	245.645.808.055
5. Tài sản bộ phận	36.718.672.000	30.109.357.034	160.058.079.961	196.195.792.871	423.081.901.866
6. Tài sản không phân bổ					1.537.782.887.327
Tổng tài sản					1.960.864.789.193
7. Nợ phải trả bộ phận					
8. Nợ phải trả không phân bổ					1.449.262.606.728
Tổng nợ phải trả					1.449.262.606.728

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chi tiết các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động thương mại - dịch vụ và hoạt động khác	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động cho thuê và bán nhà xưởng	Hoạt động cho thuê lại đất	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	458.282.039.759	10.010.459.074	21.941.224.821	49.573.997.593	539.807.721.247
2. Giá vốn	413.131.655.053	7.178.765.499	13.665.130.799	15.772.373.861	449.747.925.212
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.150.384.706	2.831.693.575	8.276.094.022	33.801.623.732	90.059.796.035
5. Tài sản bộ phận	61.219.900.955	17.475.075.712	114.436.329.396	193.228.598.510	386.359.904.573
6. Tài sản không phân bổ					1.784.716.817.209
Tổng tài sản					2.171.076.721.782
7. Nợ phải trả bộ phận					-
8. Nợ phải trả không phân bổ					1.711.583.266.887
Tổng nợ phải trả					1.711.583.266.887

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Bắc Ninh, TP.HCM. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Bắc Ninh	TP.HCM	TP. Hà Nội	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	362.413.226.287	202.247.470.020	145.801.939.742	710.462.636.048
2. Giá vốn	180.540.663.460	149.087.014.887	135.189.149.647	464.816.827.993
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	181.872.562.827	53.160.455.133	10.612.790.095	245.645.808.055
4. Tài sản bộ phận	858.767.518.351	1.073.346.447.380	28.750.823.461	1.960.864.789.193
5. Tài sản không phân bổ				
Tổng Tài sản	858.767.518.351	1.073.346.447.380	28.750.823.461	1.960.864.789.193
6. Nợ phải trả bộ phận	617.495.753.783	863.197.908.644	(31.431.055.699)	1.449.262.606.728
7. Nợ phải trả không phân bổ				
Tổng Nợ phải trả	617.495.753.783	863.197.908.644	(31.431.055.699)	1.449.262.606.728

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Bắc Ninh, TP.HCM. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Bắc Ninh	TP.HCM	TP. Hà Nội	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	77.678.158.471	320.423.096.724	141.706.466.052	539.807.721.247
2. Giá vốn	34.417.547.879	285.874.337.347	129.456.039.986	449.747.925.212
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.260.610.592	34.548.759.377	12.250.426.066	90.059.796.035
4. Tài sản bộ phận	661.042.063.703	1.421.673.564.792	88.361.093.288	2.171.076.721.783
5. Tài sản không phân bổ				-
Tổng Tài sản	616.101.935.023	1.356.716.390.003	39.832.681.782	2.171.076.721.783
6. Nợ phải trả bộ phận	338.652.475.987	1.253.885.084.030	119.045.706.870	1.711.583.266.887
7. Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng Nợ phải trả	338.652.475.987	1.178.679.056.539	119.045.706.870	1.711.583.266.887